

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

(Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700148825 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 20 tháng 01 năm 2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH (HOSE)

(Đăng ký niêm yết số: 16A.138-SGHN do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 11 năm 2009)

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐỆ NHẤT

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

- **Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (BIMICO)**
Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, Ấp Hòa Lân, xã Thuận Giao, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0650.3822602 Fax: 0650.3823922
- **Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất.**
Địa chỉ: Số 9, Hoàng Văn Thụ, Khu Đô Thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: 0650. 3832614-3832615 Fax: 0650. 3832616
- **Chi Nhánh Công Ty Cổ phần Chứng Khoán Đệ Nhất tại TP. Hồ Chí Minh**
Địa chỉ: Số 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 05, TP Hồ Chí Minh.
Điện Thoại: 08. 38552023 Fax: 08.38537932

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: **Lục Thanh Sang**

Số điện thoại: **0650. 3717070-0903344979**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

(Giấy chứng nhận Năng lực kinh doanh và Năng lực thuế số 3700148825 do Sở Kế Hoạch và Thuế Tờ
Tờ Bình Dương cấp ngày 20 tháng 01 năm 2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TREIN SÔNG GIAO DỪCH CHỜNG KHOAN TP. HOI CHÍ MINH (HOSE)

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương.
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lổđing niêm yết: 10.700.000 cổ phần
- Tổng giá trị niêm yết: 107.000.000.000 đồng

TOI CHỒIC TỒ VAIN NIEM YEAT:

Công Ty Cổ Phần Chờng Khoan Nẻi Nhat

Nỏa chỏ: Sỏ 9, Hoang Van Thui, Khu Nỏi Thỏ Chanh Nghỏa, Thỏ xỏ Thui Dau Mỏi, Tỏnh Bình
Dỏng,

Nỏien thoai: 0650.3832615

Fax: 0650.3832616

TOI CHỒIC KIEM TOAIN:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Nỏa chỏ: Lỏu 11, Trung Tam Thỏng mỏi Sai Gon.

Sỏ 37, Toỏ Nỏic Thỏng, Quan 1, TP. Hỏi Chỏ Minh

Nỏien Thoai: 08.39100751

Fax: 08.39100750

| | | |
|------|--|----|
| I. | Các nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến giá cổ phiếu niêm yết | 5 |
| | 1. Rủi ro về kinh tế..... | 5 |
| | 2. Rủi ro về luật pháp | 5 |
| | 3. Rủi ro lãi suất..... | 5 |
| | 4. Rủi ro lạm phát..... | 6 |
| | 5. Rủi ro khác | 6 |
| II. | Những người chịu trách nhiệm nội với nội dung báo cáo bạch..... | 6 |
| | Toàchức niêm yết..... | 6 |
| | Toàchức tổ vãn | 7 |
| III. | Các khái niệm..... | 6 |
| IV. | Tình hình vãnãi niêm của toàchức niêm yết | 7 |
| | 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 7 |
| | 2. Giới thiệu về công ty..... | 7 |
| | 3. Cơ cấu toàchức công ty..... | 9 |
| | 4. Cơ cấu bổmại quản lý của công ty..... | 14 |
| | 5. Danh sách cổđông nắm giữ từ trên 5% vốn cổphần của công ty; Danh sách cổđông sáng lập và từ leicổphần nắm giữ Cơ cấu cổđông tại thời niêm 30/09/2009..... | 29 |
| | 6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của toàchức niêm yết..... | 30 |
| | 7. Hoạt động kinh doanh..... | 30 |
| | 7.1. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm..... | 30 |
| | 7.2. Nguyên vật liệu..... | 31 |
| | 7.3. Tình hình nãt nãi do Công ty nãng quản lý..... | 32 |
| | 7.4. Trình ão công nghệ..... | 32 |
| | 7.5. Tình hình chi phí..... | 32 |
| | 7.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm môi..... | 33 |
| | 7.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm | 33 |
| | 7.8. Hoạt động marketing | 33 |
| | 7.9. Nhận hiệu thông mại..... | 33 |
| | 7.10 Các hợp ãng lớn ãng ão ãc thực hiện hoặc ã ão ãc ký kết | 33 |
| | 8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất..... | 35 |
| | a. Tóm tắt một số chỉ ã tiêu về hoạt động SXKD của công ty trong 2 năm gần nhất..... | 35 |
| | b. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2008..... | 36 |
| | 9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành..... | 36 |
| | 10. Chính sách với người lao ãng..... | 38 |

| | |
|--|----|
| 11. Chính sách cổ tức..... | 38 |
| 12. Tình hình tài chính..... | 38 |
| 13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng | 42 |
| 14. Tài sản (Những nhà xối, tài sản thuộc sở hữu của công ty) | 54 |
| 15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo..... | 54 |
| 16. Nành giá của và chính sách về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức..... | 57 |
| 17. Thông tin về những cam kết những chờ thực hiện của và chính sách niêm yết..... | 57 |
| 18. Các thông tin, các tranh chấp kiến tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu niêm yết..... | 57 |
| 8. Cổ phiếu niêm yết..... | 57 |
| 1. Loại cổ phiếu..... | 57 |
| 2. Mệnh giá..... | 57 |
| 3. Tổng số cổ phiếu niêm yết..... | 57 |
| 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng..... | 57 |
| 5. Giải đãi kiến niêm yết..... | 58 |
| 6. Phương pháp tính giá..... | 58 |
| 7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ với người nước ngoài..... | 59 |
| 8. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng..... | 59 |
| 9. Các loại thuế có liên quan | 59 |
| 9. Các nội tại liên quan tới việc niêm yết..... | 60 |
| 10. Phụ lục..... | 60 |

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHẬN TOI RUI RO ANH HÖÖNG NÊN GIAI COI PHIEU NIEM YEIT:

1. Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng hàng năm là thước đo sự phát triển của mọi nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng riêng của các ngành nghề. Trong những năm vừa qua, nền kinh tế Việt Nam được đánh giá là phát triển tốt với tốc độ tăng trưởng từ năm 2003 đến 2008 lần lượt là 7,23 %, 7,7%, 8,4%, 8,17 %, 8,48% 6,23%. Với tốc độ tăng trưởng như thế đã nói lên nhu cầu đầu tư của xã hội là rất lớn tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng.

Tuy nhiên trong năm 2008, nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng bị ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Hiện nay, tuy đã có dấu hiệu suy yếu, nhưng những tác động của khủng hoảng vừa qua đến lĩnh vực xây dựng còn rất nặng nề và không dễ khắc phục trong thời gian ngắn. Dự báo trong thời gian tới, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực xây dựng – bất động sản sẽ gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh.

Là đơn vị sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm cung cấp cho lĩnh vực xây dựng và trực tiếp thi công các công trình cũng như kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương (BIMICO) cũng gặp những khó khăn tương tự trong hoạt động trong thời gian tới.

Ngoài ra, Với việc gia nhập WTO hội nhập cùng kinh tế các nước từ năm 2007, sẽ mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết nhưng đồng thời cũng sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh rất lớn về giá cả, chất lượng dịch vụ, thị phần... đối với các doanh nghiệp trong nước.

Thêm vào đó khủng hoảng kinh tế toàn cầu, sự sụt giảm của thị trường chứng khoán thế giới ít nhiều sẽ làm ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán trong nước, làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu.

2. Rủi ro về luật pháp: là một Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh bởi các quy định pháp luật về Công ty cổ phần (Luật Doanh Nghiệp), chống khoán và thù trừ chống khoán (Luật Chống Khoán), Thuế (Thu Nhập Doanh Nghiệp), lĩnh vực hoạt động (Luật Khoáng sản, Luật môi trường) nên trong quá trình hoạt động, thay đổi các văn bản pháp luật sẽ làm ảnh hưởng nên hoạt động và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro tài chính: Hiện nay công ty hoạt động với nhiều ngành nghề kinh doanh khác nhau, tuy nhiên doanh thu chính của Công ty hình thành từ lĩnh vực khai thác khoáng sản. Bản thân ngành nghề khai thác khoáng sản còn có những rủi ro tiềm ẩn rất cao về môi trường, an toàn khoáng, nhiều kiến thức (lo ngại về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp) tại những nơi mỏ trường sông, hai tầng kỹ thuật khu vực khai thác, môi trường nước, ...vv... nên bất cứ rủi ro nào xảy ra sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến công ty. Ngoài ra các hoạt động sản xuất và kinh doanh dịch vụ khác trong thời gian qua của công ty còn mang tính nhỏ lẻ và trong môi trường cạnh tranh, chưa có thế mạnh trên thị trường nên sẽ cạnh tranh còn yếu.

4. Rủi ro lạm phát: với tình hình lạm phát trong quý 1/2009 là 14.47% so với cùng kỳ năm 2008 và đối với lạm phát cả năm khoảng 15% (*): Giá cả vật tư, nhiên liệu, chi phí nhân công ngày càng tăng liên tục gia tăng trở lại năm trong lúc giá bán sản phẩm dịch vụ tăng chậm so với tỷ lệ lạm phát sẽ làm hiệu quả hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng nặng nề (*): theo CIEM.
5. Rủi ro khác: Rủi ro về các yếu tố bất khả kháng như: thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng chiến tranh, ...v.v..... luôn xảy ra ở các nơi, các nước khác nhau trên thế giới hiện nay. Do đó nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến tình hình và kết quả hoạt động của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỮU TRÁCH NHIỆM CHÍNH NỘI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết:

Ông: Trần Ninh Hải **Chức vụ:** Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc Công ty
Ông: Luic Thanh Sang **Chức vụ:** Kế toán trưởng
Ông: Nguyễn Quang Nhứt **Chức vụ:** Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi năm báo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi nắm biết, thu thập một cách hợp lý

2. Tổ chức tố vấn:

Nơi diễn theo pháp luật: Ông Trần Thiên Thế

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ năng lực niêm yết, do Công ty Cổ Phần Chông Khoan Nêi Nhat tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tố vấn với Công ty cổ phần Khoang Sain va Xay Dong Binh Dong. Chúng tôi năm báo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Khoang Sain va Xay Dong Binh Dong cung cấp.

III. CÁC KHAI NIỆM

| | |
|------------------|---|
| Công ty | Công ty Cổ phần Khoang sain va Xay dong Binh Dong |
| Tổ chức niêm yết | Công ty Cổ phần Khoang sain va Xay dong Binh Dong |
| Tổ chức tố vấn | Công Ty Cổ Phần Chông Khoan Nêi Nhat |
| BIMICO | Tên giao dịch của Công ty Cổ phần Khoang sain va Xay dong Binh Dong |
| NHNCN | Nơi hội đồng quản trị |
| HNQ | Hội đồng quản trị |
| UBCKNN | Ủy ban Chông Khoan Nha nước |
| CNNKDD | Chông nhận năng lực kinh doanh |
| NMG | Nhà máy gạch |
| PX | Phần xởing |
| HOSE | Số giao dịch chông khoan Tp.HCM |

IV. TÌNH HÌNH VAI TRÒ NIÊM YẾT CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển: Công ty được thành lập năm 1993 và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/05/2006 với vốn điều lệ là 70.000.000.000 đồng.

Trong quá trình hoạt động, công ty đã phát hành thêm cổ phiếu cho công nhân hiện hữu và cán bộ chủ chốt của công ty vào năm 2008 để tăng vốn điều lệ từ 70.000.000.000 đồng lên 107.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 344/UBCK-GCN ngày 17/10/2008 của UBCKNN.

1.1 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Số 4603000226 ngày 27/04/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu.
- Số 3700148825 ngày 20/01/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần thứ 2 (thay đổi lần đầu tiên).


1.2 Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- § Tham dự khai thác, chế biến khoáng sản.
- § Sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất nước uống tinh khiết, các loại thép hình, cấu kiện bê tông.
- § Xây dựng công trình hai tầng kinh doanh bất động sản, khu công nghiệp.
- § Xây dựng công trình hai tầng kỹ thuật mọi công trình giao thông, xây dựng dân dụng.
- § Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng và dịch vụ khác.

1.3 Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu:

- § Nhà xây dựng các loại.
- § Cao lanh nguyên khai, cao lanh chế biến, sét gạch ngói, cát.
- § Công bê tông nước sạch.
- § Nước uống tinh khiết các loại.
- § Bất động sản: khu công nghiệp Núi Cuối.
- § Dịch vụ vận tải, quản lý mọi nhà ở công nhân và các dịch vụ khác.

2. Giới thiệu về công ty:

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀI XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
- Tên tiếng Anh: BINH DUONG MINERAL AND CONSTRUCTION JOINT – STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: BIMICO
- Biểu tượng của công ty: 
- Vốn điều lệ hiện tại: 107.000.000.000 đồng
- Trụ sở chính: Núi lửa Bình Dương, Ấp Hòa Lân, xã Thuận Giao, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0650.3822602
- Fax: 0650.3823922

- Bản cáo bạch niêm yết -

- Email: Ksb@hcm.vnn.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 4603000226 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 04 năm 2006. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (thay nội lần 1) số 3700148825 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 20 tháng 01 năm 2009.



Nôn và phát hành:

Công ty Cổ phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

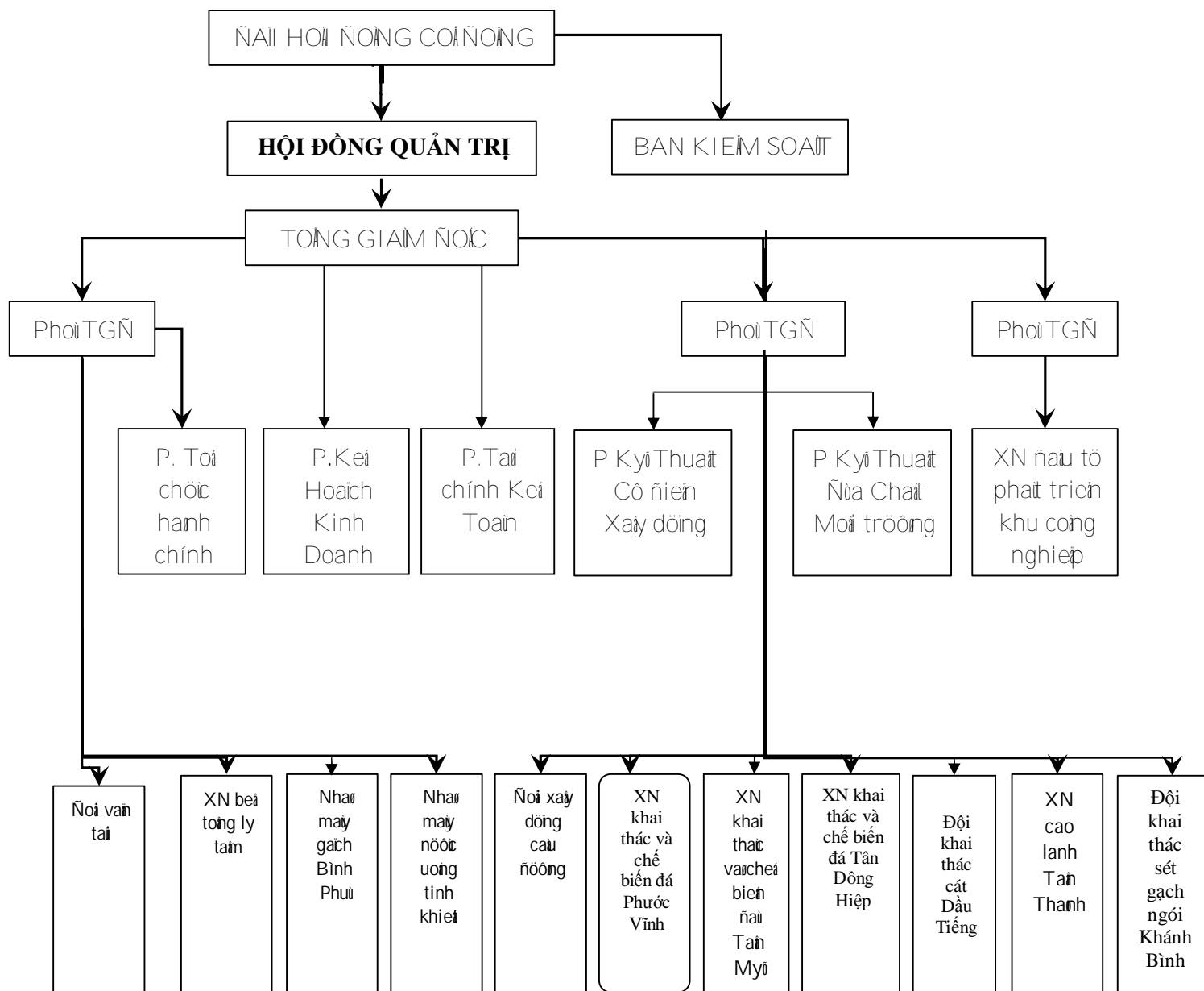
- 8 -

Nôn và tổ chức:

Công ty Chứng khoán NộiNhất



3. Cấu trúc tổ chức công ty



3.1. Ủy ban điều hành công ty:

1. Ủy ban điều hành công ty gồm tất cả các thành viên quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty
1. Ủy ban điều hành thông qua quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Nội dung thông tin và các thông tin qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Một số thành viên hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định liên với loại cổ phần nội. Một số này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nhiều năm;
 - f. Tổng số tiền thu lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tiền thu lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển những cổ phần của thành viên sang lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tách rời lại và giải thể (thanh lý) Công ty và các hình thức khác;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua cổ phần từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% mỗi loại cổ phần phát hành;
 - n. Việc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nhiều năm không làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán gần nhất;
- 3.2. Hội đồng quản trị công ty:
 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng cổ đông.
 2. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan duy nhất có quyền nhân danh Công ty để ký kết hợp đồng và các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Hội đồng cổ đông.
 3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nhiều năm và các cán bộ quản lý khác.

4. Quyên vãng hóa vui của Hội đồng quản trị do luật pháp, Nhiều lệ các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực quy định. Cụ thể Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược của Hội đồng quản trị thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo ngành của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nếu cần và quyết định mức lương của họ;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty nội với các cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn nhân viên của Công ty nếu giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại các cán bộ quản lý nội;
 - f. Nếu xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Nếu xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nếu cần hay các cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng nó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nội trên không khác với các quyền theo hợp đồng của những người bỏ bãi nhiệm (nếu có);
 - j. Nếu xuất một cổ tức hàng năm và xác định một cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Nếu xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
 - l. Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- 3.3. Ban kiểm soát công ty:
1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt công đồng nếu kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và hiệu quả của Công ty.
 2. Kiểm tra tính hợp lý hợp pháp trong quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.
 3. Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, 06 tháng và hàng quý nếu trình Hội đồng quản trị; kiểm tra tổng vấn đề liên quan đến quản lý hiệu quả hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc theo yêu cầu của công đồng hay nhóm công đồng sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng.
 4. Xem xét những kết quả kiểm tra nội bộ và yêu cầu kiến nghị của Ban quản lý Công ty.
 5. Xem xét báo cáo của Công ty về hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.
 6. Thông xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận, kiến nghị lên Hội đồng quản trị.

7. Báo cáo Nội hàm nội dung công bố và tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ hồ sơ tài khoản và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý nội vụ hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
 8. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý nội vụ hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
 9. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
 10. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
 11. Xem xét thông tin của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty.
 12. Nội dung Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chế độ công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan nên sớm rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập.
 13. Nội dung yêu cầu các phòng, ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp tình hình, số liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của Công ty.
 14. Không nội tiết lộ bí mật Công ty, không gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường cũng như gây gián đoạn trong nội vụ hành hoạt động hàng ngày của Công ty.
 15. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cài đặt và tập thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trước Nội hàm nội dung công bố và trước pháp luật. Trường hợp phát hiện thấy có sai phạm mà không báo cáo sẽ phải liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật.
 16. Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Nội lệ Công ty.
- 3.4. Tổng giám đốc công ty:
1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Nội hàm nội dung công bố, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài trợ của Công ty và Nội hàm nội dung công bố và Nội hàm nội dung thông qua;
 2. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thông mai, tổ chức và nội vụ hành hoạt động sản xuất kinh doanh thông nhất của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 3. Kiến nghị số lượng và các loại cần bổ sung quản lý mà công ty cần thuê nếu Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tổ chức nếu Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thu lao, các lợi ích và các nội vụ khác của hợp đồng lao động của cần bổ sung quản lý;
 4. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các nội vụ khác liên quan đến hợp đồng lao động của hội;
 5. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nội vụ hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở nhập 05 yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
 6. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm trước Nội hàm nội dung công bố và Hội đồng quản trị thông qua;

7. Nêixuất những biện pháp nâng cao hoạt ñiing vàiquan lyicủa Công ty;
8. Chuẩn bị các bản ñiotoán dài hạn, hàng năm vàhàng tháng của Công ty (sau ñây gọi làbản ñiotoán) phục vụ hoạt ñiing quản lýđại hạn, hàng năm vàhàng tháng của Công ty theo kếhoạch kinh doanh. Bản ñiotoán hàng năm (bao gồm cảibản cân ñiokếtoán, báo cáo hoạt ñiing sản xuất kinh doanh vàibáo cáo lưu chuyển tiền teđiokiến) cho tổng năm tài chính sẽphải ñiic trình ñeảHoả ñiing quản trị thông qua vàiphải bao gồm những thông tin quy ñiinh tại các quy chế của Công ty.
9. Thực hiện tại các hoạt ñiing khác theo quy ñiinh của Ñiieu lệ này vàicác quy chế của Công ty, các ñiic quyết của Hoả ñiing quản trị, hội ñiing lao ñiing của Giám ñiic hoặ: Tổng giám ñiic ñiieu hành vàipháp luật.
10. Nhiệm vụ vàiquyền hạn khác theo quy ñiinh tại Ñiieu lệ Công ty.

3.5. Phoi Tổng giám ñiic:

Trong phạm vi lĩnh vực công tác ñiic phân công, các Phoi TGN Công ty coi trach nhiệm vàiquyền hạn sau:

1. Trong quaitrình thực hiện nhiệm vụ ñiic giao, phải tuyền ñiic tuân thủ vàichấp hành nghiêm chỉnh các quy ñiinh hiện hành của Pháp luật Ñiic liên quan trực tiếp tới lĩnh vực công tác ñiic phân công; chịu hoàn trach nhiệm tróiic TGN Công ty vàitróiic Pháp luật Ñiic về các quyết ñiinh của mình.
2. Táchic thực hiện vàikiểm tra việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, công việc thuộc lĩnh vực công tác ñiic phân công một cách kịp thời, ñiing tiến ñiic vàicó chất lượng.
3. Giải quyết các vấn ñeảcu thể phát sinh hàng ngày trong phạm vi nhiệm vụ vàilĩnh vực công tác ñiic phân công, hoặ: các vấn ñeảkhác theo chế ñiic của TGN.
4. Phát hiện, ñeảxuat số ñiic, bổ sung các vấn ñeảvề kỹ thuật sản xuất, và ñiinh một kinh tế kỹ thuật; ñiinh một tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu; ñiinh một lao ñiing trong sản xuất; các chế ñiic chính sách với người lao ñiing.
5. Báo cáo vàixinh ý kiến chế ñiic của TGN Công ty những vấn ñeảphát sinh ngoài quyền hạn, ngoài phạm vi chuyên môn, ngoài các quy ñiinh, chế ñiic hoặ: những vấn ñeảphức tạp, quan trọng khác.
6. Trong quaitrình thực hiện nhiệm vụ vàicông việc thuộc lĩnh vực phân công phụ trach, ñiing có liên quan ñeả lĩnh vực khác, thì phải tham khảo ý kiến của người phụ trach lĩnh vực ñiic tróiic khi ñiic ñiic quyết ñiinh cuối cùng.
7. Ñiic quyền sử dụng quyền hạn của TGN Công ty ñeảchế ñiic thực hiện, giải quyết công việc thuộc lĩnh vực công tác ñiic phân công phụ trach.
8. Ký thay TGN Công ty các văn bản thuộc thẩm quyền của TGN khi ñiic TGN ủy quyền và những văn bản trong phạm vi nhiệm vụ, lĩnh vực công tác ñiic phân công phụ trach.

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty:

Ñiic vài phát hành:

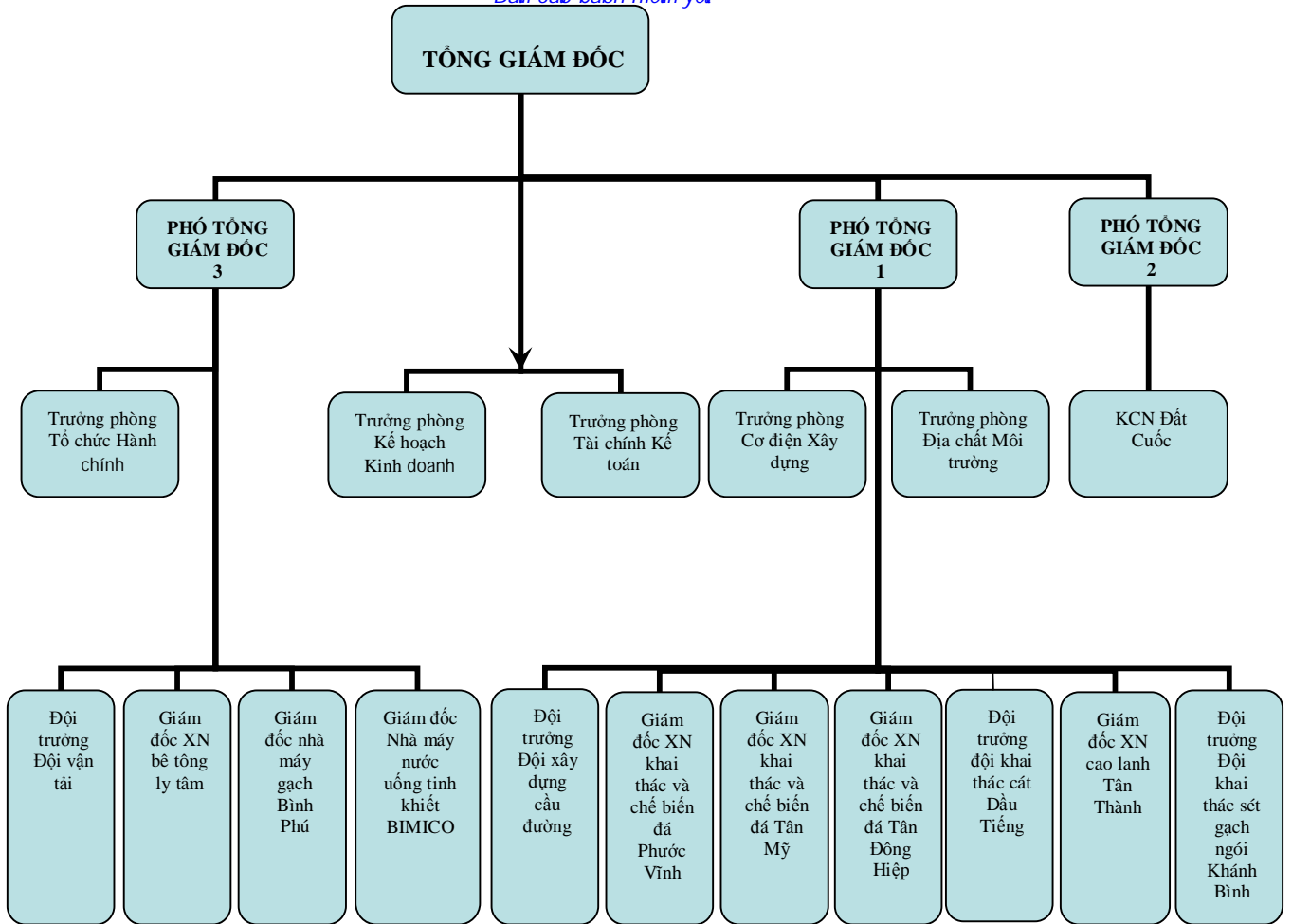
Công ty Cổ Phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

- 14 -

Ñiic vài tổ chức:

Công ty Chứng khoán Ñiic Nhất

- Bản cáo bạch niêm yết -



GIỚI THIỆU CÁC NƠN VÀ CỬA CÔNG TY:

1. KHU CÔNG NGHIỆP NÁT CUỘC – HUYỆN TÂN UYÊN:

Nôn và phát hành:

Công ty Cổ phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

- 15 -

Nôn và tổ vai:

Công ty Chứng khoán Núi Nhát



Khu công nghiệp Đất Cuộc huyện Tân Uyên được xây dựng và kinh doanh với tổng diện tích là 212.84ha, tọa lạc ở khu vực Nông Bắc của huyện Tân Uyên và cách thủ xã Thủ Dầu Một khoảng 30km và cách Tp. Hồ Chí Minh khoảng 70km với trục giao thông liên quan là đường NT 747.

Xí nghiệp nông tố phát triển Khu công nghiệp được thành lập để quản lý, điều hành và tổ chức kinh doanh tại Khu công nghiệp Đất Cuộc.

Tổng diện tích là 212.84 ha. Trong nội

Khu A: 103.94 ha, trong nội diện tích đất kinh doanh là 62 ha.

Khu B: 108.90 ha, trong nội diện tích đất kinh doanh là 68 ha.

- Bản cad bách nhiệm yet -



Nhân và phát hành:

Công ty Cổ Phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

- 17 -

Nhân và tổ vẽ:

Công ty Công nghệ Kiến trúc

2. Xí nghiệp khai thác, chế biến đá Tân Nông Hiệp:

Với diện tích khai trường là 22ha, công suất khai thác cho phép là 1,755 triệu m³/năm. Mỗi năm Tân Nông Hiệp là một lò luyện nước khai thác bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiền sàng công suất 150 – 250 tấn/h. Sản phẩm chính cung cấp cho khách hàng gồm đá 1x2 (lỗ 22mm); đá 1x2 (lỗ 25mm), đá 4x6, đá 0x4, đá hoặc với chất lượng đá nước khai thác tin nhiệm trên 10 năm qua. Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000.

Nơi ch: Ấp Nông An, xã Tân Nông Hiệp, huyện Dó An, tỉnh Bình Dồng

Niên thoại: 0650.3729860 – 3750579

Fax: 0650.3729860





3. Xí nghiệp khai thác chế biến đá Phôôc Vính:

Môi trường Phôôc Vính nằm cách huyện lỵ Phôi Giã - Tỉnh Bình Đông 4km về phía đông, do Xí nghiệp khai thác chế biến đá Phôôc Vính tách rời khai thác trên diện tích 23ha / tổng diện tích quy hoạch môi 55ha; công suất khai thác 1 triệu m³/năm. Đây là môi trường hiện, loại đá granodiot, nước khai thác bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiêng sang 150 – 250 tấn/h.

Sản phẩm chính cung cấp cho khách hàng gồm đá xây dựng các loại 1x2, đá 4x6, đá 0x4, đá 5x7, đá 20x30, đá hộc lớn chất lượng tốt và ổn định, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật cho ngành xây dựng, cầu đường.

Nơi ch: Khu phố 3, thị trấn Phôôc Vính, huyện Phôi Giã, tỉnh Bình Đông

Niên tho: 0650.3215236

Fax: 0650.3823922

4. Xí nghiệp khai thác chế biến đá Tân Mỹ

Xí nghiệp khai thác chế biến đá Tân Mỹ được thành lập năm 2008, để quản lý và tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đá tại môi trường Tân Mỹ nằm ở phía bắc bên bờ Bãi Miêu 3.5km (thuộc sông Nông Nai) ở đây là môi trường phát triển, hiện nay đã tổ chức khai thác 10ha / quy mô 45ha, sản lượng khai thác dự kiến 540.000m³/năm, và mặt công nghệ tiên tiến : đây là môi trường loại đá cát kết biến chất nhẹ của hệ tầng Draylinh (J1dl), công nghệ khai thác tự nhiên >

Nội và phát hành:

Công ty Cổ phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Đông

Nội và tổ chức:

Công ty Chồng khoán Nội Nhất

- Bản cáo bạch niêm yết -

400kg/cm², hàm lượng chất coi hai SO₂ ≤ 3% nên vì thế các loại sản phẩm này tại Mỹ đều tiêu chuẩn cho vật liệu xây dựng thông thường.

5. Nhà máy nước tinh khiết đóng chai BIMICO:

Nước uống BIMICO có nguồn tinh khiết hoàn hảo nước sản xuất từ nước ngầm tầng sâu, công nghệ tiên tiến của Mỹ như: pH tối ưu, lọc RO, hệ thống nóng lạnh tối ưu, môi trường trong sạch. Sản phẩm nước trung tâm Quacert giảm sai chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 6096:2004 và quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0650.3747518

Fax: 0650.3823922



Nôn và phát hành:

Công ty Cổ Phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

- 21 -

Nôn và tổ vãn:

Công ty Chõng khoan NãiNhat



Nôn và phat hành:

Công ty CơPhan Khoang san & Xay dựng Bình Dông

Nôn và tổ van:

Công ty Chông khoan NêiNhat

6. Xí nghiệp cao lanh Tân Thành:

Xí nghiệp cao lanh Tân Thành quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cao lanh tại các mỏ cao lanh Tân Lập, mỏ cao lanh Suối Voi, xống cần lọc vấp cao lanh, xống xay nghiền bột cao lanh các loại. Sản phẩm của xí nghiệp được cung cấp cho các nhà máy ceramic và dùng làm chất nền công nghiệp

Nhà chế: Xã Núi Cụt, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0650.3682362 – 3682164 Fax: 0650.3823922



7. Đội khai thác sét gạch ngói Khánh Bình:

Toà chức khai thác và tiêu thụ sét gạch ngói có nguồn gốc trầm tích tại môi Khánh Bình. Công suất khai thác cho phép là 200.000m³/năm, sản phẩm bao gồm các loại sét vàng, sét trắng, sét trắng nội dung lam nguyên liệu sản xuất gạch ngói, gạch gốm, ..v..v.....

Nhà chế: Ấp Tân Bình, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương



8. Nhà máy gạch Tuynel Bình Phú:

Nhà máy gạch Tuynel Bình Phú có công suất thiết kế ban đầu là 25 triệu viên/năm với hệ thống chế biến tạo hình của hãng Technos Hàn Quốc và công nghệ nung sấy của Bungari. Năm 2009, nhà máy có công suất lên 45 triệu viên/năm.

Các sản phẩm của nhà máy gạch Bình Phú đa dạng về chủng loại, màu mã theo nhu cầu trung tâm Quacert giảm tải và chống nứt theo tiêu chuẩn TCVN 145 : 1998, hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2000.

Nhà chế: Ấp Tân Bình, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Niên thoại: 0650.3652298

Fax: 0650.3652298





Nôn và phat hanh:

Công ty CơPhan Khoang san & Xây dōng Bình Dōng

Nôn và tō van:

Công ty Chōng khoan NēiNhat



Gạch 4 lỗ (G01)



Gạch Demi 4 lỗ (G02)



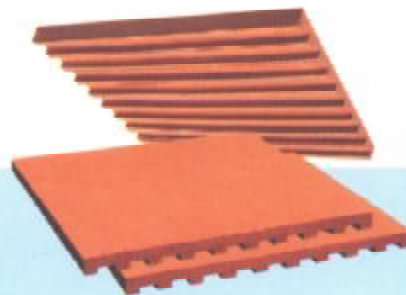
Gạch Đinh (G03)



Gạch 6 lỗ (G04)



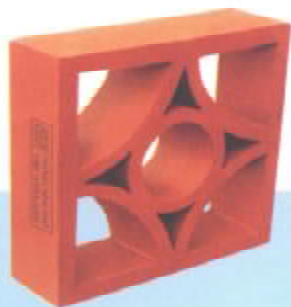
Gạch 10 lỗ (G05)



Gạch tàu có chân (G06)



Gạch tàu không chân (G07)



Gạch đồng tiền (G08)



Ngói 22 (G09)



Gạch bánh ú (G10)

9. **Xí nghiệp sản xuất công bê tông ly tâm:**

Xí nghiệp sản xuất ống công bê tông ly tâm với công suất ban đầu 60.000m/năm, nhà máy có công ty đầu tư công bố với trạm trộn bê tông tối đa 20m³/h, hệ thống dây chuyền tự động, cần trục 16 tấn và 20 tấn, lò hơi áp lực, cầu trục vận chuyển chuyên dụng. Dòng sản phẩm bao gồm công các loại có kích thước: 300, 400, 500, 600, 800, 1000, 1200, 2000 mm. Xí nghiệp áp dụng hệ thống tiêu chuẩn.

Nhà máy: Nhà máy Bình Đông, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
ĐT: 0650.3716250 Fax: 0650.3823922



Nôn và phát hành:

Công ty Cổ Phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

Nôn và tổ vận:

Công ty Chở khoan Núi Nhất

10. Đội xây dựng cầu đường:

Toà chổc thi công xây dựng các công trình nội bộ và bên ngoài.

Nhà chổ: Nàoi loà Bình Dông, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dông.

NT: 0650.3716250

Fax: 0650.3823922

11. Đội vận tải:

Nhổc thanh lập nhà vận tải khoi lổng hàng hoà của công ty giao nhên chẵn công trình và vận tải ngoài xã hoà. Tổng số với 14 xe chuyên dụng.

Nhà chổ: Nàoi loà Bình Dông, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dông.

NT: 0650.3716250

Fax: 0650.3823922

12. Đội khai thác cát Dầu Tiếng

Nhổc thanh lập nhà toà chổc khai thác cát trên lòng hồ Dầu Tiếng, này là loại cát cỏi màu vàng, hất khoi thích hỏp với các công trình xây dựng nhổc hình thành trong quaitrình bồi lạng hàng năm (ổc tính 40 – 50 ngàn m³/năm) do dòng chảy của sông Sài Gòn về hồ Dầu Tiếng. Tổng trữ lổng tiềm năng theo ổc tính là 1.2 triệu m³. Hiện nay, cát nhổc khai thác nhằm cung cấp cho các tỉnh Bình Phỏc, Tây Ninh và Bình Dông. Tổng diện tích tham dò nhổc cấp : dài 4km và rộng 100ha.

Nhà chổ: xã Minh Hoà, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dông

5. Danh sách cổ nhổng nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phẩn của công ty; Cỏ cấu cổ nhổng_tải thời niêm 30/09/2009:

Danh sách cổ nhổng nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phẩn của Công ty (30/09/2009):

Meinh giái 10.000 nhổng/cổ phẩn

| S T T | Cổ nhổng | Số CMND/GCN KKD | Nhà chổ | Số cổ phẩn | Tỷ lệ sối hổu |
|-------------|--|-----------------------|--|---------------|------------------|
| 1 | Tổng công ty Nàoi tò và Kinh doanh vốn Nhà nhổc (SCIC) | 0106000737 | Sối 15A Trần Khánh Dư, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nổi | 5.355.000 | 50.05% |
| 2 | Quy nhổn tò CK VF1 | | Lầu 10, Tòa nhà Center Plaza, số 17 Lê Duẩn, Q.1, TP.HCM | 1.072.800 | 10.03% |
| 3 | PXP Vietnam Fund LTD | CR-125492 | Lầu 6, Tòa nhà Operaview 161 Nhổng Khổi, Q1, TP.HCM | 706.147 | 6.60% |
| Tổng sối | | | | 7.133.947 | 66.68% |

Cô cấu cỏi ñọng của Công ty (tải thời ñiệ̣m 17/09/2009)

| STT | Cỏi ñọng | Số số ñiệ̣n năm giợ́i | Tỷ lệ ñiệ̣n năm giợ́i |
|-----|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Cỏi ñọng Nhaịn ñọc | 5.355.000 | 50.05% |
| 2 | Cỏi ñọng trong ñọc: | 3.882.728 | 36.28% |
| | Cỏi ñọng cainhaịn | 980.100 | 9.16% |
| | Cỏi ñọng tọi chộ̉c | 2.902.628 | 27.12% |
| 3 | Cỏi ñọng ñọc ngoaị: | 1.462.272 | 13.67% |
| | Cỏi ñọng cainhaịn | 50.000 | 0.47% |
| | Cỏi ñọng tọi chộ̉c | 1.412.272 | 13.20% |
| | Tổng cỏi ñọng | 10.700.000 | 100,00% |

6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tọi chộ̉c niệ̣m yết: **Khọng cỏi**

7. Hoaịt ñọng kinh doanh:

7.1. Sản lộ̉ng sản phẩm/ giá trị ñiệ̣n qua các năm:

DOANH THU CÁC BỒI PHẦN KINH DOANH

Đơn vị: 1.000 ñọng

| Bồi phần | Năm 2007 | | Năm 2008 | | 30/09/2009 | |
|--|-------------|--------------|-------------|--------------|-------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Khai thác và chế biến khoáng sản | 180.710.359 | 68.23 | 236.952.503 | 70.17 | 172.066.419 | 73.38 |
| Sản xuất, kinh doanh các loại VLXD và ñọc ương tinh khai ñọng chái | 50.330.092 | 19.00 | 60.034.624 | 17.78 | 37.926.975 | 16.17 |
| Xây ñọng cô sộ hai tầng, kinh doanh khu công nghiệp Ñất Cũc | 1.204.903 | 0.45 | 5.844.266 | 1.73 | 3.374.384 | 1.44 |
| Kinh doanh các loại VLXD và hoạt ñọng khác | 32.637.687 | 12.32 | 34.846.524 | 10.32 | 21.112.143 | 9.00 |
| Tổng Cỏi ñọng | 264.883.041 | 100 | 337.677.917 | 100 | 234.479.921 | 100 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính ñiệ̣n kiểm toán năm 2007, 2008 và 30/09/2009)

Ghi chú: Doanh thu các hoạt ñīng khai thác bao gồm cả doanh thu hoạt ñīng tại chính và các khoản thu nhập khác.

CÔ CẤU LỢI NHUẬN CỦA CÔNG TY

Đơn vị: 1.000 ñīng

| Bộ phận | Năm 2007 | | Năm 2008 | | 30/09/2009 | |
|---|------------|--------------|------------|--------------|------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Khai thác và chế biến khoáng sản | 33.974.079 | 72.89 | 61.030.238 | 72.44 | 50.985.729 | 75.44 |
| Sản xuất, kinh doanh các loại VLXD và ñīng uōng tinh khiết ñīng chai | 9.077.861 | 19.48 | 10.755.613 | 12.77 | 7.732.018 | 11.44 |
| Xây dựng công sô̄i tại ñīng, kinh doanh khu công nghiệp Ñīng Cuōc | 319.829 | 0.69 | 570.354 | 0.68 | 313.614 | 0.46 |
| Kinh doanh các loại VLXD và hoạt ñīng khai thác | 3.238.953 | 6.95 | 11.891.211 | 14.11 | 8.549.439 | 12.65 |
| Tổng Cộng | 46.610.722 | 100 | 84.247.416 | 100 | 67.580.800 | 100 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính ñīng kiểm toán năm 2007, 2008 và 30/09/2009)

7.2. Nguyên vật liệu

– Nguồn nguyên vật liệu:

- Hoạt ñīng sản xuất chủ yếu của công ty là khai thác, chế biến khoáng sản nên trời ñīng và giấy phép khai thác là vấn ñīng rất quan trọng ñīng với tình hình hoạt ñīng của Công ty.
- Các hoạt ñīng khai thác cao lanh, sét, sản xuất gạch ngói ñīng có các môi trường khai thác tối thiểu 05 năm ñīng trình bày theo bảng ñīng ñây .

| STT | NỘI DUNG | NÒA CHẾ | DIỆN TÍCH (m ²) | HÌNH THỨC | NGÀY CẤP | THỜI GIAN KHAI THÁC | TRỜI ñīng (M ³) | | |
|-----|--------------------------|--|-----------------------------|-----------|------------|---------------------|------------------------------|-----------------|-----------|
| | | | | | | | Cấp phép | Ñīng khai thác | Còn lại |
| 1 | Môi ñīng Tân Ñīng Hiệp | Ap Ñīng An, xã Tân Ñīng Hiệp, Đīng An, Bình Đô̄ng | 228.159 | Thuê | 10/06/2009 | 4 năm 6 tháng | 6.294.181 | 375.745 | 5.918.436 |
| 2 | Môi ñīng Phó̄c Vĩnh | Thò trã̄n Phó̄c Vĩnh, Phũ̄i Giã̄n, Bình Đô̄ng | 132.650 | Thuê | 12/10/2006 | 8 năm | 3.445.186 | 1.335.678 | 4.384.208 |
| | | | 90.980 | Thuê | 03/02/2005 | 7 năm | 2.274.700 | | |

| | | | | | | | | | |
|---|----------------------|---------------------------------|--------|--------|------------|-----------|-----------|-------|-----------|
| 3 | Moī nàī Tà̄n Mȳ B | Xāi Tà̄n Mȳ Uyēn, Bìn̄h Dông | 96.422 | Thuēa | 20/06/2008 | 8,5 nàīm | 2.378.423 | 7.454 | 2.370.969 |
|---|----------------------|---------------------------------|--------|--------|------------|-----------|-----------|-------|-----------|

- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận: do hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản nên đối tượng sản xuất của Công ty là tài nguyên thiên nhiên nằm ở dạng quặng mỏ. Vì vậy chi phí nguyên vật liệu của công ty chủ yếu là chi phí nhiên liệu dùng cho việc khai thác. Các chi phí này tập trung chủ yếu gồm các chi phí về xăng dầu, điện, vật liệu nổ, các loại vật liệu phụ khác...v...v.... Từ đó, biến động giá đầu vào của các loại vật liệu này sẽ ảnh hưởng lớn đến giá thành sản phẩm của Công ty.

7.3. Tình hình nàīn nàī do Công ty n̄ng quàīn l̄i

| STT | NOI DUNG | NÒA CHẾ | DIEN TÍCH (m ²) | HÌNH THỨC | NGAY CAP | THỜI GIAN KHAI THÁC |
|-----|-----------------------------|---|-----------------------------|-----------|------------|---------------------|
| 1 | Vān phong Công ty | Xāi Thuàīn Giao, Thuàīn An, Bìn̄h Dông | 17.515 | Thuēa | 28/12/2001 | 38 nàīm |
| 2 | Khu công nghiệp | Xāi Nàī Cuoīt, Tà̄n Uyēn, Bìn̄h Dông | 2.114.791 | | | |
| 2.1 | Khu A | | 1.022.729 | Giao | 13/05/2005 | 49 nàīm |
| 2.2 | Khu B | | 1.092.062 | Thuēa | 24/08/2007 | 49 nàīm |
| 3 | Moī nàī Tà̄n Nõng Hiệp | Ap̄ Nõng An, xāi Tà̄n Nõng Hiệp, Dũ An, Bìn̄h Dông | 228.159 | Thuēa | 10/06/2009 | 4 nàīm 6 thàīng |
| 4 | Moī nàī Phȭc Vĩnh | Thȭ trān Phȭc Vĩnh, Phuī Giao, Bìn̄h Dông | 132.650 | Thuēa | 12/10/2006 | 8 nàīm |
| | | | 90.980 | Thuēa | 03/02/2005 | 7 nàīm |
| 5 | Moī nàī Tà̄n Mȳ B | Xāi Tà̄n Mȳ Tà̄n Uyēn, Bìn̄h Dông | 96.422 | Thuēa | 20/06/2008 | 8,5 nàīm |
| 6 | Moī cao lanh Tà̄n Lạp | Xāi Tà̄n Lạp, Tà̄n Uyēn, Bìn̄h Dông | 119.401 | Thuēa | 19/10/1999 | 22 nàīm |
| 7 | Moī sēt Khānh Bìn̄h | Xāi Tà̄n Hiệp, Tà̄n Uyēn, Bìn̄h Dông | 86.299 | Thuēa | 10/09/2002 | 10 nàīm |
| 8 | Nhāi māy gach Bìn̄h Phuī | Xāi Tà̄n Hiệp, Tà̄n Uyēn, Bìn̄h Dông | 41.632 | thuēa | 05/04/2002 | 38 nàīm |
| | Tõng Cõng | | 2.927.849 | | | |

7.4. Trình ñȭi công nghệ̄ Công nghệ̄ khai thác nàī của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay chủ yếu dựa trên công nghệ̄ của Nga và Ucraina, các māy mōc thiēt bị ñȭc nàīp từ ñȭc

| Tên hợp nông | Trị giá hợp nông | Thời gian thực hiện hợp nông | Sản phẩm | Nơi tài trợ trong hợp nông |
|------------------------------|------------------|------------------------------|-----------------------|--|
| HĐ bán đá xây dựng | 15.000.000.000 | 03/01/2009-31/12/2009 | Nhà xây dựng các loại | Công ty cổ phần Bé tông Becamex |
| HĐ bán đá xây dựng | 15.000.000.000 | 03/01/2009-31/12/2009 | Nhà xây dựng các loại | Công ty cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương |
| HĐ bán đá xây dựng | 11.200.000.000 | 03/01/2009-31/12/2009 | Nhà xây dựng các loại | Công ty cổ phần Bé tông 620 Châu Thới |
| HĐ bán đá xây dựng | 15.000.000.000 | 03/01/2009-31/12/2009 | Nhà xây dựng các loại | Công ty TNHH nhà Hoa An I |
| HÑ bán gạch xây dựng Tuynel | 681.000.000 | 07/01/2009-31/12/2009 | Gạch Tuynel | Công ty CP Lâm sản XNK tổng hợp Bình Dương (Genimex) |
| HÑ bán gạch xây dựng Tuynel | 1.272.000.000 | 31/01/2009-31/12/2009 | Gạch Tuynel | Công ty CP Lâm sản XNK tổng hợp Bình Dương (Genimex) |
| HÑ bán gạch xây dựng Tuynel | 1.140.000.000 | 08/01/2009-31/12/2009 | Gạch Tuynel | Công ty CP Nhà tô và Xây dựng Tây Hoà |
| HÑ bán gạch xây dựng Tuynel | 828.000.000 | 02/04/2009-31/12/2009 | Gạch Tuynel | Công ty CP Nhà tô và Xây dựng Tây Hoà |
| HÑ bán bột cao lanh | 3.600.000.000 | 02/01/2009-31/12/2009 | Bột cao lanh | Nhà máy phân bón Hiệp Phước |
| HÑ bán nhà xây dựng các loại | 30.000.000.000 | 03/01/2009– 31/12/2009 | Nhà xây dựng các loại | Công ty TNHH xây dựng Lê Phan |
| HÑ bán nhà xây dựng các loại | 25.000.000.000 | 03/01/2009– 31/12/2009 | Nhà xây dựng các loại | Công ty CP TM-VT và thi công có giới Hạn Nhân |
| HÑ bán nhà xây dựng các loại | 8.000.000.000 | 15/12/2009– 31/12/2009 | Nhà xây dựng các loại | Công ty LD xi măng Holcom Việt Nam |
| HÑ bán đất sét gạch ngói | 516.000.000 | 06/05/2009– 31/12/2009 | Đất sét gạch ngói | Công ty TNHH Phông Thái |
| HÑ bán công BTLT các loại | 3.312.000.000 | 27/10/2008– 31/12/2009 | Công BTLT các loại | Công ty CP Nhà tô và Xây dựng Tây Hoà |
| HÑ bán công BTLT các loại | 2.339.000.000 | 10/11/2008– 31/12/2009 | Công BTLT các loại | Công ty CP Nhà tô và Xây dựng Tây |

Nôn và phát hành:

Công ty Cổ Phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

Nôn và tổ vận:

Công ty Chứng khoán Nội Nhất

- Báo cáo bạch niêm yết -

| Tên hợp đồng | Trị giá hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng | Sản phẩm | Nơi tài trợ trong hợp đồng |
|---------------------------|------------------|------------------------------|--------------------|---|
| | | | | Hoà |
| HÑ bán công BTLT các loại | 2.135.000.000 | 19/06/2009– 31/12/2009 | Công BTLT các loại | Công ty CP làm sản XNK tổng hợp (Genimex) |
| HÑ thuê nhà KCN Nhà Cước | 33.782.000.000 | 15/10/2008 | Thuê nhà KCN | Công ty TNHH Hoàn Cầu |
| HÑ thuê nhà KCN Nhà Cước | 5.098.000.000 | 15/10/2009 | Thuê nhà KCN | Công ty TNHH Hợp Thái Gia |
| HÑ thuê nhà KCN Nhà Cước | 9.156.000.000 | 25/04/2009 | Thuê nhà KCN | Công ty TNHH kỹ nghệ Miền Nam |
| HÑ bán boi cao lanh | 800.000.000 | 02/01/2009-31/12/2009 | Boi cao lanh | Công ty phân bón Bình Niên |
| Tổng cộng | 183.859.000.000 | | | |

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm 2007, 2008 và 30/09/2009:

- a. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong các năm 2007, 2008 và 09 tháng đầu năm 2009:

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2007 | Năm 2008 | | 30/09/2009 | |
|-----|-----------------------------------|----------|----------|---------------------------------------|------------|----------------------------------|
| | | Giá trị | Giá trị | Tỷ trọng (%) năm 2008 so với năm 2007 | Giá trị | Tỷ trọng (%) năm so với năm 2008 |
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 208.343 | 404.056 | 193.94% | 452.380 | 111.96% |
| 2 | Doanh thu thuần | 264.160 | 330.437 | 125.09% | 230.545 | 69.77% |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 46.262 | 83.393 | 180.26% | 67.281 | 80.68% |
| 4 | Lợi nhuận khác | 348 | 854 | 245.40% | 299 | 35.01% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 46.611 | 84.247 | 180.74% | 67.581 | 80.22% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 46.611 | 72.268 | 155.04% | 59.062 | 81.73% |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 27.03% | 27.88% | | | |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008 và 30/09/2009)

Đơn vị phát hành:

Công ty Cổ Phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

Đơn vị tổ chức:

Công ty Chứng khoán Nãi Nhất

Với một bùng nổ của thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản cuối năm 2007 và đầu năm 2008 đã làm cho hoạt động năm 2008 của Công ty có hiệu quả tăng cao so với năm 2007, Lợi nhuận sau thuế năm 2008 của Công ty tăng hơn 55% so với năm trước, Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 42%, Lợi ích bản thân có hiệu quả đạt 9.952 đồng.

Bước qua những tháng đầu năm 2009, cuộc khủng hoảng tài chính thế giới đã kéo theo suy giảm mạnh của nền kinh tế trong nước: các doanh nghiệp gặp khó khăn trong huy động vốn cho sản xuất, lãi suất cho vay của ngân hàng tăng cao (có thời điểm lên trên mức trên 20% / năm), thị trường bất động sản đang diễn biến rất phức tạp của toàn xã hội bị chững lại.

Trên nền tảng Bình Dương và các tỉnh Nam Bộ vốn là thị trường chủ yếu của công ty cũng không ngoại lệ nên các sản phẩm chủ yếu của công ty như gạch, bê tông, cho thuê đất trong khu công nghiệp ... đều có một số tiêu thụ chậm, giá bán giảm theo xu thế chung khiến hiệu quả kinh doanh trong 06 tháng đầu năm 2009 không cao.

Bước sang Quý 3 – 2009, do hiệu quả của các nỗ lực chống suy thoái của Chính phủ đã mang lại kết quả bước đầu, tình hình kinh tế Việt Nam đang sáng sủa hơn. Tình hình kinh doanh của Công ty vì thế cũng bước đầu cải thiện đáng kể. Số liệu báo cáo tài chính của Công ty cho thấy doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế 09 tháng đầu năm của công ty đều đạt hoặc vượt số liệu tổng cộng là 230 tỷ đồng (kế hoạch 296 tỷ) và 59 tỷ đồng (kế hoạch 55 tỷ).

b. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo:

- Với những nỗ lực khắc phục suy giảm: chính phủ đã đưa ra gói kích cầu hỗ trợ lãi suất trong quy định 2/2009 nhằm giúp các doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tính đến nay - về cơ bản - tác dụng của gói kích cầu đã thể hiện rõ qua việc kiểm soát suy thoái, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản đều tăng trưởng mạnh. Kéo theo đó là tốc độ đầu tư của nền kinh tế tăng giá tăng dần, vốn đầu tư nước ngoài FDI đang quay lại với Việt Nam. Từ đó việc tiêu thụ các sản phẩm của công ty - vốn phục vụ chủ yếu cho nhu cầu xây dựng – đầu tư cơ sở hạ tầng đã khôi phục lại nhờ đó tạo tiền đề cho việc hoàn thành kế hoạch 2009 mà hầu hết công nhân viên đã đạt được.
- Việc gia hạn giảm thuế khu vực Tân Nông Hiệp năm 2013 sẽ là nhân tố quan trọng cho việc thực hiện kế hoạch năm 2009 và những năm sau: với ưu đãi thuế (tiết kiệm chi phí và chuyển nền khu vực TP Hồ Chí Minh và các tỉnh), công nghệ của sản phẩm rất chất lượng cao (thoát ẩm môi trường ngay trong quy chuẩn xây dựng), các sản phẩm của môi trường Tân Nông Hiệp lại có sẵn trong các cho việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty trong thời gian tới.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

- Vị thế của công ty trong ngành: Tại khu vực Tân Nông Hiệp trên cơ sở kết quả hoạt động trong thời gian qua và chiến lược phát triển bền vững trong thời gian tới: hiện công ty đứng vị trí trung bình trong ngành khai thác khoáng sản khi so sánh với các Tổng Công ty lớn như Tổng Công ty Vật Liệu Xây Dựng Miền Bắc, Tổng Công ty Vật Liệu Xây Dựng Bình Dương (M & C) và doanh nghiệp sản xuất hàng năm.

- Triển vọng phát triển của ngành: khi nhu cầu xây dựng con nhà mới và công nghệ vật liệu chôn cất mới biến thì hoạt động chính của công ty nói riêng và ngành khai thác khoáng sản phục vụ nhu cầu xây dựng nói chung sẽ có một tiềm năng rất lớn và phát triển ít nhất đến năm 2013.
- Hiện nay công ty đang tập trung vào các nhiệm vụ tìm kiếm và khai thác các mỏ khoáng sản (nhờ Phú Gia, Tân Mỹ) nên thay thế dần các mỏ cũ nhờ Tân Nông Hiệp: đây là một chuỗi trồng hết sức năng suất do vậy nên quy hoạch phát triển mỏ này, các mỏ khoáng sản hiện nay đang dần khu vực dần cũ (mỏ) nên việc khai thác ngay càng tại mỏ này nên mở trồng. Nếu không có gì thay đổi thì lộ trình trong của các mỏ sẽ được thúc đẩy vào năm 2013. Ngoài ra sau một thời gian thăm dò công ty nên hướng đến các mỏ mới và lĩnh vực khu công nghiệp với là các mỏ và chuỗi trồng của Tân nhằm xây dựng Bình Đông trở thành một trung tâm kinh tế xã hội trong vùng với cơ cấu kinh tế Công nghiệp – Dịch vụ – Thương mại hiện nay.
- Năm giai đoạn sẽ phù hợp nên hướng phát triển của công ty với nên hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới:

Nói với lĩnh vực xây dựng (nhà kho): nên hướng phát triển trong giai đoạn 2011 – 2015: cần thêm khoảng 14 triệu m³, cần môi trường khai thác và chế biến thêm 90 ngàn m³ (theo quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thăm dò khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020). Riêng tại tỉnh Bình Đông: xây dựng phân trạm nghiền thêm để khai thác từ đá tại nhà máy An với trữ lượng khoảng 30 triệu m³; xây dựng granit nghiền phát hiện gần đây trên nhà máy Phú Gia với tổng tiềm năng khoảng 200 triệu m³ cũng nhờ xây dựng các kết cấu trong hai tầng Dray Linh nên được thăm dò và khai thác tại Tân Uyên. Với số phân bố như: Công ty đang và sẽ triển khai thăm dò khai thác các mỏ khoáng sản trong thời gian tới theo hướng nên hướng phát triển của ngành, cũng nhờ quy hoạch của Nhà nước nhằm giảm bớt nhu cầu cung cấp xây dựng trong thời gian tới không những phục vụ cho nhu cầu trên nhà máy tỉnh Bình Đông, mà còn môi trường cung cấp cho các tỉnh thành lân cận trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Nói với lĩnh vực cao lanh: trong quy hoạch chung giai đoạn 2010 – 2015: cần thêm khoảng 3.2 triệu tấn, và cần môi trường khai thác, chế biến thêm khoảng 35 ngàn tấn. Riêng tại Bình Đông có khoảng 23 vùng mỏ cao lanh với trữ lượng khai thác lớn nên được khai thác. Việc công ty đang tập trung khai thác, chế biến sản phẩm cao lanh trong thời gian tới cung cấp nguyên liệu cho ngành gốm sứ và làm chất phụ gia công nghiệp cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh Bình Đông là hướng đi đúng và phù hợp với nên hướng chung.

Riêng với lĩnh vực sét gạch ngói: hiện với khoảng 23 vùng mỏ sét với tổng sản lượng vào khoảng 1 tỷ m³ tại nhà máy tỉnh Bình Đông, và có nguồn gốc từ trầm tích và phong hóa với trữ lượng phong phú và phân bố nhiều nơi trong tỉnh. Phần lớn các mỏ sét trên nhà máy có chất lượng tốt, ngoài việc dùng làm gạch ngói thông thường, sét còn dùng để sản xuất các sản phẩm công nghệ cao nhờ gạch ngói trang trí, gạch lát sàn, bột màu, làm phụ liệu cho ngành gốm sứ và làm chất nền cho nhiều ngành sản xuất khác. Hiện nay, công ty vẫn duy trì khai thác và cung cấp sét gạch ngói và duy trì ổn định trong thời gian tới.

Riêng với việc phát triển khu công nghiệp trong thời gian tới, đây là nên hướng phát triển phù hợp với nên hướng phát triển chung của lĩnh vực này không chỉ trên nhà máy tỉnh Bình

Đồng mức phù hợp với quy hoạch chung về phát triển các khu công nghiệp trong các năm trong thời gian tới.

10. Chính sách nội với người lao động

- Số lượng người lao động trong công ty:

| Chỉ tiêu | Tính đến 30/06/2009 | |
|----------------------------|---------------------|---------------------------------|
| | Số lượng (người) | Tỷ lệ (tính trên tổng lao động) |
| 1. Lao động nữ qua đào tạo | 348 | 84% |
| <i>Nữ học vắn Nữ học</i> | 59 | 14% |
| <i>Trung Cấp, Cao đẳng</i> | 54 | 13% |
| <i>Công nhân kỹ thuật</i> | 235 | 57% |
| 2. Lao động phổ thông | 66 | 16% |
| Tổng Cộng | 414 | 100% |

- Chính sách đào tạo: Hàng năm, các công nhân khai thác và vận hành máy móc thiết bị đều được Công ty cử đi đào tạo tại Trường Công Nhân Kỹ Thuật Xây Dựng và Vật Liệu Xây Dựng trực thuộc Tổng Công Ty Vật Liệu xây Dựng Số 1, các Công nhân được cử đi đào tạo các khóa ngắn ngày về chuyên môn nâng cao trình độ.
- Lương thưởng, trợ cấp: ngoài lương, trong năm và các ngày lễ lớn, hàng tháng, hàng quý Công ty đều có chế độ thưởng phù hợp trên cơ sở các nội tình hành thực hiện kế hoạch kinh doanh. Các trường hợp ốm đau, thai sản, tang tảo đều có chính sách thỏa đáng. Ngoài ra để thu hút lao động nhập cư, Công ty còn phải xây dựng nhà ở cho Công nhân nhằm ổn định đời sống lao động. Nguồn kinh phí từ trường hợp sẽ được các nội từ quy phục lợi, khen thưởng hoặc báo hiểm xã hội. Thu nhập bình quân trong năm 2008 của người lao động là 3.600.000 đồng/người/tháng, tăng hơn 16% so với năm 2007.

11. Chính sách cắt tóc:

| Năm | Năm 2007 | Năm 2008 |
|---------------|----------|----------|
| Tỷ lệ cắt tóc | 18% | 23.5% |

Trên cơ sở vốn nhiều lợi nhuận tại của công ty là 107.000.000.000 đồng, công ty kế hoạch duy trì mức cắt tóc hàng năm từ 15% đến 20% nhằm duy trì tính ổn định của công ty trên thị trường.

12. Tình hình hoạt động tài chính:

- a. Các chỉ tiêu cơ bản:
 - Trích khấu hao TSCN: Việc trích khấu hao tài sản cố định của Công ty được thực hiện theo những các quy định hiện hành tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính, cụ thể thời gian khấu hao của Công ty được thực hiện như sau:

Nôn vào phát hành:

Công ty Cổ Phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

Nôn vào tờ vắn:

Công ty Chứng khoán Núi Nhai

| Loại TSCN | Năm |
|------------------------|--------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 15 |
| Phòng tiện văn tài | 6 - 10 |
| Máy móc, thiết bị | 5 - 12 |
| Thiết bị văn phòng | 5 - 12 |
| Tài sản cố định khác | 5 - 12 |

- Mức thu nhập bình quân: Mức thu nhập bình quân hiện nay trả cho người lao động là 3.600.000 đồng/người/tháng, xếp hạng trung bình khá so với mặt bằng thu nhập của người lao động Bình Dương.
- Thanh toán các khoản nợ ngắn hạn: Công ty không có các khoản nợ ngắn hạn và thanh toán đầy đủ các khoản nợ ngắn hạn.
- Các khoản phải nộp theo luật định:

Nôn và tính: đồng

| STT | Thuế | Năm 2007 | Năm 2008 | 30/09/2009 |
|-----|----------------------------------|----------------|----------------|---------------|
| 1 | Thuế giá trị gia tăng | 6.442.658.088 | 6.615.800.738 | 743.714.685 |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 35.300.400 | 11.996.063.095 | 3.705.452.049 |
| 3 | Thuế tài nguyên | 3.289.315.403 | 4.218.506.017 | 366.312.892 |
| 4 | Phí bảo vệ môi trường | 6.894.244.203 | 5.461.748.149 | 105.971.566 |
| 5 | Tiền sử dụng đất khu công nghiệp | 17.176.439.737 | 0 | 0 |
| 6 | Các loại thuế khác | 947.955.764 | 1.504.583.566 | 0 |
| | Tổng cộng | 34.785.913.595 | 29.796.701.565 | 4.921.451.192 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm kiểm toán năm 2007, 2008 và 30/09/2009)

- Tình hình trích lập các quỹ nhỏ quy định của Điều lệ Công ty sau khi nước Nại Hoá Nông có hiệu lực thi hành. Số dư các quỹ tính đến ngày 30/09/2009 như sau:

| Các quỹ | Giá trị (30/09/2009) |
|-------------------------------|----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 66.660.891.317 |
| Quỹ đối phòng tài chính | 8.054.750.231 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 711.861.025 |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 10.560.172.561 |
| Tổng cộng | 85.987.675.134 |

- Tình hình công nợ hiện nay:

Nôn và phát hành:

Công ty Cổ phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

Nôn và tổ chức:

Công ty Chứng khoán Nại Hoá

Các khoản phải thu của Công ty:

Nôn và tính: nông

| Chỉ tiêu | Năm 2007 | | Năm 2008 | | 30/09/2009 | |
|-------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|
| | Tổng số | Nội quai hạn | Tổng số | Nội quai hạn | Tổng số | Nội quai hạn |
| Phải thu của khách hàng | 44.844.298.872 | - | 48.647.778.573 | - | 47.860.053.445 | - |
| Trả trước cho người bán | 9.289.358.564 | - | 38.621.661.211 | - | 40.812.215.999 | - |
| Các khoản phải thu khác | 81.668.729 | - | 141.280.869 | - | 43.881.333 | - |
| Tổng cộng | 54.215.326.165 | - | 87.410.720.653 | - | 88.716.150.777 | - |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008 và 30/09/2009)

Các khoản phải trả của Công ty:

Nôn và tính: nông

| Chỉ tiêu | Năm 2007 | | Năm 2008 | | 30/09/2009 | |
|--------------------------|-----------------------|--------------------|------------------------|--------------------|------------------------|--------------------|
| | Tổng số | Nội quai hạn | Tổng số | Nội quai hạn | Tổng số | Nội quai hạn |
| Vay và nội ngân hàng | - | - | - | - | - | - |
| Phải trả cho người bán | 10.591.470.828 | - | 9.517.962.053 | - | 11.922.985.207 | - |
| Người mua trả tiền trước | 43.729.365.801 | - | 135.204.833.336 | - | 135.545.585.997 | - |
| Các khoản phải nộp NN | 252.997.931 | - | 287.411.695 | - | 4.921.451.192 | - |
| Phải trả công nhân viên | 3.200.811.121 | - | 5.030.972.677 | - | 3.473.024.611 | - |
| Chi phí phải trả | 292.453.000 | - | 558.877.769 | - | 194.382.000 | - |
| Phải trả phải nộp khác | 18.607.203.219 | - | 75.740.833.118 | - | 1.391.795.968 | - |
| Tổng cộng | 76.674.301.900 | - | 226.340.890.648 | - | 157.449.224.975 | - |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008 và 30/09/2009)

Nôn và phát hành:

Công ty Cổ phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

Nôn và tổ chức:

Công ty Chứng khoán Nãi Nhạt

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

| | Chỉ tiêu | Năm 2007 | Năm 2008 | 30/09/2009 |
|---|--|----------|----------|------------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - | Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) | 1.31 | 1.00 | 1.39 |
| - | Hệ số thanh toán nhanh | 1.20 | 0.93 | 1.27 |
| 2 | Chỉ tiêu về cấu trúc vốn | | | |
| - | Hệ số nợ / Tổng tài sản | 0.37 | 0.57 | 0.36 |
| - | Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu | 0.58 | 1.32 | 0.55 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - | Vòng quay tổng tài sản | 1.37 | 1.08 | 0.51 |
| - | Vòng quay TSCN | 7.43 | 4.96 | 1.48 |
| - | Vòng quay vốn lưu động | 3.41 | 2.02 | 3.71 |
| - | Vòng quay các khoản phải thu | 5.69 | 4.67 | 2.60 |
| - | Vòng quay các khoản phải trả | 3.19 | 2.15 | 0.87 |
| - | Vòng quay hàng tồn kho | 20.04 | 15.84 | 2.41 |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - | Hệ số LN sau thuế / DT thuần (%) | 0.18 | 0.22 | 0.26 |
| - | Hệ số LN sau thuế / Vốn chủ sở hữu (%) | 0.35 | 0.42 | 0.21 |
| - | Hệ số LN sau thuế / Tổng tài sản (%) | 0.22 | 0.18 | 0.13 |
| - | Hệ số LN từ hoạt động SXKD / DT thuần (%) | 0.18 | 0.25 | 0.39 |
| 5 | Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần | | | |
| - | Thu nhập trên mỗi cổ phần (đồng/cổ phần) | 6.659 | 9.954 | 5.520 |
| - | Giá trị sổ sách của cổ phần (đồng/cổ phần) | 18.058 | 23.882 | 26.112 |

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008 và 30/09/2009)

Qua các số liệu nêu trên phản ánh, có thể nhận thấy về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong năm chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần (tháng 05/2006) nên nay càng rõ ràng và ổn định và có những chuyển biến theo hướng tích cực: Trong kinh doanh, doanh thu và hiệu quả năm sau luôn cao hơn năm trước, các khoản nợ phải thu của công ty đã phần lớn luôn chuyển và chủ yếu nhờ tập trung vào các khách hàng truyền thống có quan hệ trong thời gian dài, doanh nghiệp không vay nợ ngân hàng, không có nợ nội ngoại, không nêu tổ tài chính và không có nợ công, không nêu tổ và bất động sản đang nắm

nhà, nhà cửa, nền kinh doanh nên tình hình tài chính của Công ty không bị ảnh hưởng bởi những suy thoái trên thị trường chứng khoán và bất ổn kinh tế trong thời gian qua.

Tuy nhiên, cũng nhờ các doanh nghiệp khác: do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới kéo theo sự suy giảm của nền kinh tế trong nước: trong 06 tháng đầu năm 2009, hiệu quả hoạt động của công ty cũng bị ảnh hưởng phần nào. Tuy nhiên nên thời điểm hiện tại: hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty đã trở lại nhờ trợ lực, khả năng hoàn thành kế hoạch năm 2009 và hoàn toàn khả thi.

13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

- Danh sách:

| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Số CMND/Hội chiếu | Chức vụ | Số cổ phần |
|-----|--------------------|-----------|-------------------|-------------------|------------|
| I | Hội đồng quản trị | | | | |
| 1 | Trần Ninh Hải | 1956 | 280326278 | Chủ tịch | 2.698.900 |
| 2 | Le Hoàng Thanh | 1956 | 280473054 | Thành viên | 2.684.800 |
| 3 | Hoàng Văn Lộc | 1956 | 280074394 | Thành viên | 12.000 |
| 4 | Trần Thiên Thái | 1963 | 280473222 | Thành viên | 7.300 |
| 5 | Trương Hữu Quyền | 1963 | 280584877 | Thành viên | 195.485 |
| II | Ban Tổng Giám đốc | | | | |
| 1 | Trần Ninh Hải | 1956 | 280326278 | Tổng Giám đốc | 2.698.900 |
| 2 | Hoàng Văn Lộc | 1956 | 280074394 | Phó Tổng Giám đốc | 12.000 |
| 3 | Phạm Văn Hiệp | 1962 | 280129244 | Phó Tổng Giám đốc | 10.100 |
| 4 | Nguyễn Quang Thung | 1956 | 280552928 | Phó Tổng Giám đốc | 11.550 |
| III | Ban Kiểm soát | | | | |
| 1 | Nguyễn Quang Nhật | 1966 | 280363439 | Trưởng ban | 4.850 |
| 2 | Nguyễn Hoàng Tâm | 1973 | 310886749 | Thành viên | 3.400 |
| 3 | Phạm Thanh Tùng | 1969 | 280951550 | Thành viên | 7.000 |
| IV | Kế Toán Trưởng | | | | |
| 1 | Lúc Thanh Sang | 1960 | 280049187 | Kế toán trưởng | 8.150 |

Số yếu lý lịch:

I/ Hội đồng quản trị:

1. Ông Trần Ninh Hải:

- Họ và tên: TRAN NINH HAI
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/03/1956
- Nơi sinh: Vuở Hốp, Vuở Thư, Thái Bình
- CMND số: 280326278
- Ngày cấp: 01/12/2003

Nôn và phát hành:

Công ty Cổ phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

Nôn và tổ chức:

Công ty Chứng khoán Nội Nhật

- Nơi cấp : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : An Tông, Hoài An, Bình Ninh
- Nơi cư trú thường trú : 10/7 Khu phố 7, Phường Phú Hòa, thị xã Thủ Đức, Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc cá nhân: 0650.822602
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác :
 - 1983 – 1985 : Kế toán trưởng Sồi Lâm Nghiệp Sông Bé
 - 1985 – 1990 : Kế toán trưởng Liên hiệp các xí nghiệp gốm sứ Sông Bé
 - 1990 – 1992 : Phó Tổng giám đốc Liên Hiệp các XN gốm sứ Sông Bé
 - 1992 – 1993 : Giám đốc Xí nghiệp Cao lanh gốm sứ Sông Bé
 - 1993 – 04/2006 : Giám đốc Công ty Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương
 - 05/2006 – nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phiếu nắm năm gần nhất
 - Số hữu: 21.400 cổ phiếu (tỷ lệ 0.2%)
 - Nữ điển số hữu: 2.677.500 cổ phiếu (tỷ lệ 25.025%)
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan nắm năm gần nhất
 - Em trai: Trần Ninh Hải
 - Số lượng cổ phiếu số hữu: 4.850 cổ phiếu (tỷ lệ 0.05%)
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

2. Ông Hoàng Văn Lợi:

- Họ và tên : HOANG VAN LOI
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/09/1956
- Nơi sinh : KyôBac, KyôAnh, HaôTinh
- CMND số : 280473054
- Ngày cấp : 25/05/2004
- Nơi cấp : Bình Dông
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : KyôBac, KyôAnh, HaôTinh
- Nhà chế tạo chứng chỉ : 36/11, toà 11, khu 4, P. PhuôLôi, thôn xaôThuôĐau Môt, Bình Dông
- Số điện thoại liên lạc ôcô quan: 0650.822602
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ số nhà chế tạo chứng chỉ
- Quá trình công tác :
 - 1980 – 1989 : Phó ban phân vùng kinh tế
 - 1989 – 1991 : Trưởng phòng tổng hợp Ủy ban kế hoạch tỉnh Sông Bé
 - 1991 – 1993 : Chỉ huy phó chỉ huy QL Tai Nguyên khoáng sản tỉnh Sông Bé
 - 1993 – 04/2006 : Phó Giám Đốc Công ty Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dông
 - 05/2006 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dông
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dông
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ
 - Số hữu: 12.000 cổ phiếu (tỷ lệ 0.11%)
 - Nãi diện số hữu: Không
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

3. Ông Lê Hồng Thanh:

- Họ và tên : LÊ HỒNG THANH
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/12/1956
- Nơi sinh : Hòa Châu, Hòa Vang, Nghệ An
- CMND số : 280074394
- Ngày cấp : 21/02/2003
- Nơi cấp : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hòa Châu, Hòa Vang, Nghệ An
- Nơi cư trú thường trú : Khu dân cư Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Đức, Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650.826006
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác :
 - 10/1995 – 09/1999 : Phó Cục trưởng Cục Quản lý Vốn và Tài sản Nhà nước tại Doanh nghiệp tỉnh Sông Bé
 - 10/1999 – 12/2004 : Chi cục phó Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương
 - 01/2005 – 04/2006 : Chi cục trưởng Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương
 - 05/2006 – nay : Chi cục trưởng Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương, thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay: Chi cục trưởng Chi cục Tài chính Doanh nghiệp Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác:
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương.
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng Tô Văn Nâu ở Bình Dương.
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lâm sản và XNK Tổng hợp Bình Dương
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vàng Hòa Tổng Hợp Bình Dương
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vàng tố Nông nghiệp Bình Dương
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vàng tài Bình Dương
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ
 - Số hữu: 7.300 cổ phiếu (tỷ lệ 0.07%)

- Mã định danh: 2.677.500 cổ phiếu (tỷ lệ 25.025%)

- Số lượng cổ phiếu của người liên quan đang nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không

• Lợi ích liên quan với công ty: Không

4. Ông **Trương Hữu Quyền**:

- Họ và tên : **TRƯƠNG HỮU QUYỀN**
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 04/10/1963
 - Nơi sinh : Long Bình, Đồng Nai
 - CMND số : 280584877
 - Ngày cấp : 17/12/2005
 - Nơi cấp : Bình Dương
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Biên Hòa, Nông Nai
 - Nơi cư trú: 18/1 Ngã Tư, xã Bình Thạnh, huyện Dó An, tỉnh Bình Dương
 - Số điện thoại liên lạc cá nhân: 0650.3774519
 - Trình độ văn hoá : 6/12
 - Trình độ chuyên môn: không
 - Quá trình công tác :
 - Tháng 10/1985 – tháng 12/1988: Quản đốc Xí nghiệp Vĩnh Hiệp – gạch ngói Tp. Biên Hòa.
 - 1988 – 1999: Giám đốc DNTN gạch ngói Hữu Tín
 - 2000 – nay: Giám đốc DNTN gạch ngói Hữu Tín.
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Phông Thái
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Ngọc Quyên
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương
 - Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác:
 - Giám đốc DNTN gạch ngói Hữu Tín
 - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Phông Thái
 - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Ngọc Quyên

- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ
 - Số hữu: 195.485 cổ phiếu (tỷ lệ 1.83%)
 - Nội địa số hữu: Không
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan đang nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

5. Ông Trần Thiên Thế:

- Họ và tên : TRẦN THIÊN THẾ
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/12/1963
- Nơi sinh : Tân Lập Phú Huyện Bình Long, Tỉnh Bình Phước
- CMND số : 280473222
- Ngày cấp : 18/07/2006
- Nơi cấp : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Long, Tỉnh Bình Phước
- Địa chỉ thường trú : 7/2 Khu phố 6, Phường Phú Hòa, thị xã Thủ Đức, Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc cá nhân: 0650.833282
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Nổi học Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác :
 - 10/1985 – 12/1988 : Kế Toán Liên Hiệp các Xí Nghiệp Sản Sứ Sông Bé
 - 1988 – 1995 : Kế Toán Trưởng Xí Nghiệp Gốm Sứ Xuất Khẩu Sông Bé
 - 1996 – 1997 : Kế Toán Trưởng Xí Nghiệp Xây Dựng BECAMEX
 - 1998 – 1999 : Phó Kế Toán Trưởng Công Ty BECAMEX
 - 2000 – nay : Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Chông Khoan Núi Nhát
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Chông Khoan Núi Nhát, thành viên HĐQT công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nâu tố và Kinh doanh Bất động sản.
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược và Vật tư Y tế Bình Dương.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ
 - Số hữu: 7.300 cổ phiếu (tỷ lệ 0.06%)
 - Ngày diễn số hữu: không
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan đang nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

II/ Ban Tổng Giám đốc:

1. Ông Trần Ninh Hải: Lý lịch nêu tại Mục: Lý lịch Hội đồng quản trị.
2. Ông Hoàng Văn Lộc: Lý lịch nêu tại Mục: Lý lịch Hội đồng quản trị.

3. Ông Nguyễn Quang Thung:

- Họ và tên : NGUYỄN QUANG THUNG
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/10/1958
- Nơi sinh : Thạch Sơn, Anh Sơn, Nghệ An
- CMND số : 280552928
- Ngày cấp : 07/07/2005
- Nơi cấp : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thạch Sơn, Anh Sơn, Nghệ An
- Nơi cư trú thường trú : 56/28 Hai Bà Trưng, P. Phú Cường, Thôn xã Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc cá nhân: 0650.822602
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
 - 1990 – 1992 : Quản đốc phân xưởng Xí Nghiệp Cao lạnh Gốm Sứ Sông Bé
 - 1993 – 1994 : Quản đốc phân xưởng Công ty khai thác & XKKS Sông Bé
 - 1994 – 2002 : Trưởng phòng TCHC Công ty Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương

- 2002 – 04/2006 : Phối Giám Nối Công ty Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Đông
- 05/2006 – nay : Phối Tổng Giám Nối Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Đông
- Chức vụ công tác hiện nay: Phối Tổng Giám Nối Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Đông
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ
 - Số hữu: 11.550 cổ phiếu (tỷ lệ 0.10%)
 - Nãi điện số hữu: Không
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan đang nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

4 Ông Phạm Văn Hiệp:

- Họ và tên : PHẠM VĂN HIỆP
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/04/1962
- Nơi sinh : Lai Hòa, Bến Cát, Bình Đông
- CMND số : 280129244
- Ngày cấp : 06/01/2004
- Nơi cấp : Bình Đông
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hòa Lôi, Bến Cát, Bình Đông
- Nhà暂 ở thường trú : 81/19 KP 1, Phường Phú Thới, thị xã Thủ Đức Mới, Bình Đông
- Số liên lạc liên lạc ôc quan: 0650.822602
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
 - 1986 – 1992 : Kế Toán Trông Liên Hiệp các Xí Nghiệp Sản Sỡing Bei
 - 1993 – 2002 : Kế Toán Trông Công ty Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Đông
 - 2002 – 04/2006 : Phối Giám Nối Công ty Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Đông

- 05/2006 – nay : Phôi Tổng Giám Nối Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dông
- Chức vụ công tác hiện nay: Phôi Tổng Giám Nối Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dông
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ
 - Số hữu: 10.100 cổ phiếu (tỷ lệ 0.09%)
 - Nãi diện số hữu: Không
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan đang nắm giữ
 - Em trai: **Phạm Ngọc Tiến**
Số lượng cổ phần sở hữu: **300 cổ phần**
 - Em gái: **Phạm Thị Ngọc Tuyết**
Số lượng cổ phần sở hữu: **1.000 cổ phần**
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

III/Ban kiểm soát:

1. Ông Nguyễn Quang Nhứt:

- Họ và tên : NGUYỄN QUANG NHỨT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/01/1966
- Nơi sinh : Phôi Công, thôn xã Thới Dầu Mới, Bình Dông
- CMND số : 280363439
- Ngày cấp : 24/12/2002
- Nơi cấp : Bình Dông
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Que quán : Tổng Bình Hiệp, thôn xã Thới Dầu Mới, Bình Dông
- Nhà ở thường trú : Tân An, thôn xã Thới Dầu Mới, Bình Dông
- Số liên lạc liên lạc có quan: 0650.826006
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế Toán

- Quá trình công tác :
 - 10/1995 – 09/1999 : Trưởng phòng Nghiệp vụ Công nghiệp – Xây dựng – Giao thông, Cục quản lý Vận tải và Tài sản Nhà nước tại Doanh nghiệp tỉnh Sông Bé
 - 10/1999 – 04/2006 : Trưởng phòng Nghiệp vụ Công nghiệp – Xây dựng – Giao thông, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương.
 - 05/2006 – nay : Trưởng phòng Nghiệp vụ Công nghiệp – Xây dựng – Giao thông, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng Nghiệp vụ Công nghiệp – Xây dựng – Giao thông, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác:
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (Bimico)
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ:
 - Số hữu: 4.850 cổ phiếu (tỷ lệ 0.04%)
 - Nãi diện số hữu: Không
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

2. Ông Nguyễn Hoàng Tâm:

- Họ và tên : NGUYỄN HOANG TÂM
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/02/1973
- Nơi sinh : Sài Gòn
- CMND số : 310886748
- Ngày cấp : 26/09/2005
- Nơi cấp : Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Khu 7, thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang
- Nơi cư trú: 463/49/12/7 Trần Xuân Soán, KP4, P. Tân Hồng, Q.7, TP.HCM
- Số liên lạc ô tô: 0650.717070
- Trình độ văn hoá : 12/12

- Trình ñoàchuyển mìn: Cũnhàn kinh tế
- Quátrình công tác :
 - 12/1996 – 03/2003 : Kếtoàn Công ty Công trình Giao Thông 710
 - 04/2003 – 04/2006 : Kếtoàn Công ty Khoàng Sản vàXây Dõng Bình Dõng
 - 05/2006 – nay : Kếtoàn, Thanh viên ban kiểm soát Công ty CP Khoàng Sản vàXây Dõng Bình Dõng
- Chõicũ công tác hiện nay: Kếtoàn công ty củaphần Khoàng sản vàXây dõng Bình Dõng
- Chõicũ công tác hiện nay tại các toàchõicũ khác: Không
- Sốlõõng củaphiếu ñang ñm giữ:
 - Sốhõu: 3.400 củ phiếu (0.03%)
 - Ñãidieñ sốhõu: Không
- Sốlõõng củaphiếu củanõõicũ liên quan ñang ñm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu cũ): Không
- Quyền lõicũ mua thuận võicũ ích Công ty: Không
- Các khoản ñõivõicũ công ty: Không
- Lõicũ liên quan võicũ công ty: Không

3. Ông Phạm Thanh Tung:

- Hõivàtên : PHẠM THANH TUNG
- Giõicũ tính : Nam
- Ngày tháng ñm sinh: 17/04/1969
- Nõicũ sinh : Biên Hoà, Ñõng Nai
- CMND số : 280951550
- Ngày cũp : 07/07/2005
- Nõicũ cũp : Bình Dõng
- Quõc tũch : Việt Nam
- Dãn tũch : Kinh
- Quẽaquãn : Tân Uyên, Bình Dõng
- Ñõa cũch thõõng trú: Ấp 2, Thanh Phõõicũ, Tân Uyên, Bình Dõng
- Sốãñiẽn thoãi liên lạc cũcũ quan: 0650.652298
- Trình ñõivãn hoãicũ : 12/12
- Trình ñoàchuyển mìn: Kỳsõ ñiẽn công nghiệp
- Quátrình công tác :
 - 12/1990 – 09/1993 : Thõiñiẽn Công ty Giãy Tân Mai

- Bản cáo bạch niêm yết -

- 10/1993 – 08/2004 : Thời niên Công ty KT&XKKS BD
 - 04/2004 – 09/2004 : Cán bộ Ban QLDA NMG Cty Khoáng sản & XDBD
 - 10/2004 – 04/2005 : Phối Giám Nối NMGBP Cty Khoáng sản & XDBD
 - 05/2005 – 05/2006 : Phối Quản Nối PX nội Cty Khoáng sản & XDBD
 - 06/2006 – nay : Phối Giám Nối NMG, Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay: Phối Giám Nối Nhà máy gạch Bình Phú
 - Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không
 - Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ
 - Số hữu: 7.000 cổ phiếu (tỷ lệ 0.06%)
 - Nơi để số hữu: Không
 - Số lượng cổ phiếu của người có liên quan đang nắm giữ: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
 - Các khoản nợ với công ty: Không
 - Lợi ích liên quan với công ty: Không

IV/ Kế toán trưởng:

Họ và tên : LUÛC THANH SANG

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1960
- Nơi sinh : Bình Dương
- CMND số : 280049187
- Ngày cấp : 21/07/2005
- Nơi cấp : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương
- Nơi cư trú thường trú : Phường Hiệp Thành, thị xã Thủ Đức, Bình Dương
- Số liên lạc liên lạc có quan: 0650.717070
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế làm nghiệp
- Quá trình công tác :
 - 1989 – 1995 : Trưởng phòng kinh doanh Lâm trường Nước Ô Sông Bé

Nôn và phát hành:

Công ty Cổ Phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

Nôn và tổ vấn:

Công ty Chứng khoán Nội Nhất

- 1995 – 2002 : Phó phòng kế toán Công ty Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương
- 12/2002 – 04/2006 : Kế toán trưởng Công ty Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương
- 05/2006 – nay : Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phiếu nắm năm giới
 - Số hữu: 8.150 cổ phiếu (tỷ lệ 0.07%)
 - Nãi điện số hữu: Không
- Số lượng cổ phiếu của người có liên quan nắm năm giới: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với công ty: Không
- Lợi ích liên quan với công ty: Không

14. Tài sản (Những nhà ở, tài sản thuộc số hữu của công ty):

Nôn và tính: ñông

| | Tên tài sản | Nguyên giá (30/09/2009) | Giá trị còn lại (30/09/2009) |
|-----------|--------------------------|-------------------------|------------------------------|
| 01 | Nhà ở và kiến trúc | 28.816.632.906 | 15.887.514.765 |
| 02 | Máy móc thiết bị | 48.102.677.685 | 25.495.736.523 |
| 03 | Phòng tiện văn tài | 25.334.082.500 | 16.336.505.572 |
| 04 | Thiết bị dụng cụ quản lý | 2.076.777.397 | 498.224.530 |
| 05 | Tài sản có hình ảnh | 2.012.516.200 | 1.556.614.136 |
| 06 | Bất ñông sản ñầu tư (*) | 67.294.488.467 | 62.627.352.490 |
| Tổng Cộng | | 173.637.175.155 | 122.401.948.016 |

(*) **Bất động sản đầu tư:** là khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng (hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước, hệ thống điện, xử lý nước thải ...) tại khu Công Nghiệp Đất Cuộc huyện Tân Uyên Tỉnh Bình Dương với tổng diện tích 212 ha/553 ha được quy hoạch. Công ty sẽ thu hút đầu tư vào Khu Công nghiệp để chuyển nhượng quyền sử dụng cơ sở hạ tầng và kinh doanh các dịch vụ khác đi kèm.

15. Kế hoạch lợi nhuận và chi tiêu năm 2009:

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2009 | | Kế hoạch năm 2010 | |
|----------|-------------------|-------------------------|-------------------|-------------------------|
| | Giá trị (ñông) | % tăng giảm so năm 2008 | Giá trị (ñông) | % tăng giảm so năm 2009 |
| | | | | |

- Báo cáo bạch niếm yết -

| | | | | |
|-----------------------------|-----------------|--------|-----------------|---------|
| Doanh thu thuần | 296.900.000.000 | -12.08 | 327.000.000.000 | + 10.14 |
| Lợi nhuận trước thuế | 55.000.000.000 | -34.72 | 65.000.000.000 | + 18.20 |
| Lợi nhuận sau thuế | 48.130.000.000 | -33.41 | 56.875.000.000 | + 18.17 |
| LN sau thuế/Doanh thu thuần | 16.21% | -25.88 | 17.39% | + 7.30 |
| Cổ tức/mệnh giá(%) | 20% | | 25% | |

– Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.

Các chỉ tiêu kế hoạch hoàn thành năm 2009 nhờ HÑQT, Ban TGN Công ty xây dựng thập hôn kết quả thực hiện trong năm 2008 trên cơ sở như sau:

- Các đơn hàng tồn kho hoàn thành trong năm 2008 và chuyển tiếp hoàn thành, nữa vào sử dụng trong năm 2009 chờ thời cơ phát huy hiệu quả ngay trong năm;
- Cuộc khủng hoảng kinh tế tại chính toàn cầu chưa có dấu hiệu chấm dứt, tác động nên tại các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm của công ty trong sáu tháng đầu năm 2009 chưa đạt mức tương ứng so với cùng kỳ năm 2008;
- Giá bán sản phẩm theo xu hướng ngày càng giảm, nhiều sản phẩm có giá giảm hơn 50%;

– **Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHCĐ thông qua.**

A. Các môi trường và năng khai thác:

- Môi trường Tân Nông Hiệp với công suất: 1.000.000m³/năm
- Môi trường Phố cổ Vinh với công suất: 1.000.000m³/năm
- Môi trường Tân Mỹ với công suất: 360.000m³/năm
- Môi trường Cao Lãnh với công suất: 50.000m³/năm
- Môi trường gạch Khanh Bình với công suất: 200.000m³/năm

B. Các đơn an môi trường lập thủ tục xin cấp lại nữa và xin cấp lại:

Nvt: nông

| Tên môi | Diện tích | Tổng vốn đầu tư | Nhà thực hiện | Ghi chú |
|--|-----------|-----------------|---------------|-------------|
| Môi trường Minh Long – Chôn Thanh – Bình Phước | 64ha | 1.114.696.000 | 334.408.800 | Cấp lại nữa |
| Môi trường Cao Lãnh – Dầu Tiếng – Bình Dương | 37.72ha | 681.914.000 | 410.000.000 | Cấp lại nữa |

Nôn và phát hành:

Công ty Cổ phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương

Nôn và tổ chức:

Công ty Chứng khoán Núi Nhát

| | | | | |
|---|-------|---------------|-------------|-------------|
| Môi cải long hoà Dầu Tiếng – Bình Dông | 100ha | 852.051.900 | 255.000.000 | Cấp lãi năm |
| Tổng cộng | | 2.648.661.900 | 999.408.800 | |

C. Các chỉ tiêu về sản lượng kế hoạch năm 2009 (Năm hoặc NHÑCÑ thường niên năm 2009 thông qua):

1. Ngành khai thác, chế biến khoáng sản:

| Stt | Loại sản phẩm | Đơn vị | Sản lượng |
|-----|-------------------------------|----------------|-----------|
| 1 | Khai thác, chế biến than | | |
| | - Khai thác than | m ³ | 2.400.000 |
| | - Chế biến than | | 2.153.000 |
| 2 | Khai thác, chế biến cao lanh: | | |
| | - Khai thác | m ³ | 75.000 |
| | - Chế biến bột | tấn | 16.000 |
| | - Chế biến lọc | tấn | 3.600 |
| 3 | Khai thác sét gạch ngói: | | |
| | - Nguyên liệu sản xuất gạch | m ³ | 30.000 |
| | - Khai thác kinh doanh | | 100.000 |
| 4 | Khai thác cát | m ³ | 40.000 |

2. Lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, nông nghiệp:

| | | | |
|---|--|------|------------|
| 1 | Gạch tuynel: | Viên | |
| | - Gạch ống, gạch nung | | 25.000.000 |
| | - Sản phẩm khác: Ngói, gạch khóa, bóng gioi, bánh ú, gạch cách âm. | | 300.000 |
| 2 | Bê tông ly tâm nhiều quy cách | Mét | 24.000 |
| 3 | Nông nghiệp trồng chai, nông nghiệp | Lít | 2.400.000 |

3. Lĩnh vực kinh doanh Khu công nghiệp:

Điều kiện cho thuê tại Khu công nghiệp Nhat Cuoc với diện tích là 20ha.

4. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác:

- Xây dựng các công trình nhận thuê ngoài: 4.380.000.000 đồng
- Vận tải sản phẩm hàng hóa: 4.371.600 tấn Km.

16. Năng lực của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Là doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ cho Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây Dựng Bình Dương xuyên suốt quá trình công nhận hóa cho nên nay, Công ty cổ phần Chứng khoán Nêi Nhất rất tiến hành thu thập dữ liệu, đồng thời tiến hành phân tích để đưa ra những năng lực và đối bả về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây Dựng Bình Dương: nhìn chung kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009 nhờ xây dựng một cách khai thác trong trờc những diện biến phức tạp của tình hình kinh tế 06 tháng đầu năm, các phòng an kinh doanh nếu có đối phó rủi ro nên nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tại những năm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là hoàn toàn khả thi và Công ty có thể năm bả nhờ ty lệ chi trả cổ tức năm 2009 nhờ kế hoạch này đưa ra.

Chúng tôi lưu ý rằng, các yếu tố nhân xét nêu trên nhờ đưa ra đối với năng lực của một đơn vị tư vấn, dựa trên những dữ liệu mà chúng tôi có nhờ và đối bả chủ quan dựa trên lý thuyết và tài chính mà không ham y bả năm giá trị của chứng khoán cũng nhờ không khẳng định tính chắc chắn của những số liệu nhờ đối bả. Nhân xét này chæ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi ra quyết định đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết những chờa thõc hiện của tổ chức năng ký niêm yết: **Không có**

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng nên giá cả cổ phiếu niêm yết: **Không có**

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
3. Tổng số cổ phiếu niêm yết: 10.700.000 cổ phiếu
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:

- o Căn cứ Giấy chứng nhận năng ký chấp bả cổ phiếu ra công chúng số 344/UBCK-CGN ngày 17/10/2008 của UBCKNN; và Bả cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng ngày 30/12/2008 của Công ty, tổng số cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho CBCNV công ty là 197.750 cổ phiếu.
- o Căn cứ quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP Hồ Chí Minh .

Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty là 418.235 cổ phiếu bao gồm :

- o Tổng số cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho CBCNV là 197.750 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng 02 năm kể từ ngày 01/01/2009 đến 31/12/2010.

- Bản cáo bạch niêm yết -

- o Số cổ phiếu của công ty là thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng là 288.535 cổ phiếu (nhiều bao gồm số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng 02 năm kể từ ngày 01/01/2009 đến 31/12/2010 là 68.050 cổ phiếu trong tổng số 197.750 cổ phiếu đã phát hành theo chương trình lựa chọn nêu trên) bị hạn chế chuyển nhượng 100% số lượng cổ phiếu năm giới trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

5. Giá đối kiến niêm yết: 35.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

1. Phương pháp tính giá theo giá trị số sách:

Giá trị cổ phiếu tính theo giá trị số sách ngày 30/06/2009 như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá cổ phiếu niêm yết} &= \frac{(\text{Nguồn vốn chủ sở hữu} - \text{Quy khen thưởng phúc lợi})}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}} \\ &= \frac{(266.502.295.582 - 8.047.599.519)}{10.700.000} = 24.155 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

2. Phương pháp tính giá theo P/B (thì giá trị trên giá trị số sách):

Hệ số P/B bình quân nội có sử dụng trên cơ sở tham chiếu số liệu của những doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề lĩnh vực với công ty đang niêm yết trên HOSE:

| MÃ CK | TÊN CÔNG TY NIÊM YẾT | GIÁ 31/07/2009 | GIÁ TRỊ SỐ SÁCH 30/06/2009 | P/B |
|------------------|---|-------------------|----------------------------------|-------------|
| BMC | CTCP Khoáng sản Bình Định | 64,500 | 15,733 | 4.10 |
| DHA | CTCP Hóa An | 29,000 | 24,725 | 1.17 |
| LBM | CTCP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng | 14,500 | 14,426 | 1.01 |
| MCV | CTCP CAVICO Việt Nam Khai thác mỏ và xây dựng | 13,200 | 19,461 | 0.68 |
| Tổng cộng | | | | 1.63 |

Hệ số P/B bình quân nội có xác định là 1.63.

Giá trị số sách của công ty tại ngày 30/06/2009 là 24.155 đồng/cổ phiếu

$$\begin{aligned} \text{Nhờ vậy, Giá cổ phiếu niêm yết} &= \text{Giá trị số sách ngày 30/06/2009} \times \text{P/B bình quân} \\ &= 24.155 \times 1.63 = 39.372 \text{ đồng/cp} \end{aligned}$$

3. Phương pháp tính giá theo P/E:

| MÃ CK | TÊN CÔNG TY NIÊM YẾT | Giá trị vốn hóa thị trường | EPS điều chỉnh | Giá thị trường ngày 31/07/2009 | P/E |
|------------------|---|----------------------------------|-------------------|---|--------------|
| BMC | CTCP Khoáng sản Bình Định | 533 | 4.31 | 64.5 | 14.95 |
| DHA | CTCP Hóa An | 292 | 3.87 | 29.1 | 7.52 |
| LBM | CTCP Khoáng sản và VLXD Lâm Đồng | 100 | 1.99 | 14.6 | 7.34 |
| MCV | CTCP CAVICO Việt Nam Khai thác mỏ và xây dựng | 108 | 1.72 | 13.4 | 7.40 |
| Tổng cộng | | | | | 11.36 |

(Nguồn: Bản tính của HOSE ngày 01/08/2009)

Nôn và phát hành:

Công ty Cổ Phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Đồng

Nôn và tổ chức:

Công ty Chứng khoán Nãi Nhất

- Báo cáo bạch niêm yết -

$$\begin{aligned} \text{EPS của công ty ngày 30/06/2009:} & \quad \text{EPS} = 3.097 \text{ đồng/cổ phiếu} \\ \text{Giá cổ phiếu niêm yết dự kiến} & \quad = \text{EPS} \times \text{P/E bình quân} \\ & \quad = 3.097 \times 11.36 \\ & \quad = \mathbf{35.182 \text{ đồng/cổ phiếu}} \end{aligned}$$

Kết luận: Tổng hợp các phương pháp tính giá cổ phiếu dài hạn niêm yết (như trên), Giá dài hạn niêm yết nên được chọn là 35.000 đồng/cổ phiếu.

7. Giới hạn về tỷ lệ lãi năm giới nội với người nước ngoài: Tính đến ngày 30/06/2009, tỷ lệ lãi năm giới Cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 13.20%/ vốn nêu là Khi Công ty tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán thì tỷ lệ lãi năm giới của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được thực hiện theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ (giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty).
8. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: Không có
9. Các loại thuế có liên quan:
 - Công ty được công nhận hoàn năm 2005 căn cứ theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm 2006 và năm 2007; và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm 2008 (thuế suất 28%), năm 2009 (thuế suất 25%) và năm 2010 (thuế suất 25%).
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp: kể từ ngày 01/01/2009 công ty công nhận vui nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25% trên cơ sở quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2009.
 - Thuế thu nhập cá nhân: Trên cơ sở Nghị quyết số 32/2009/NQ-QH12 ngày 19/06/2009 của Quốc hội quy định:
 - Miễn toàn bộ thuế thu nhập cá nhân từ tháng 01/2009 đến hết tháng 06/2009 này giảm cho các nội dung.
 - Tiếp tục miễn số thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01/07/2009 đến hết năm 2009 nội dung với thu nhập từ nhà đầu tư, chuyển nhượng vốn, toàn quyền, nhượng quyền thương mại.
 - Nội dung thuế tài nguyên: Trên cơ sở Nghị định số 05/2009/NĐ-CP ngày 19/01/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh thuế tài nguyên, theo nội dung thuế suất thuế tài nguyên nội dung với sản phẩm này là 5% và phí bảo vệ môi trường là 1.000đ/1m³ (theo Quyết định số 29/2008/QĐ-UBND ngày 05/08/2008 của UBND tỉnh Bình Dương).

VI. CÁC NỘI TÀI LIÊN QUAN TỚI NỖT NIÊM YẾT:

Tổ chức tổ vấn niêm yết:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOAN NẾI NHẬT.

Trụ sở chính: Số 9, Hoàng Văn Thụ, Khu Phố Thờ Chánh Nghĩa, Thờ xã Thủ Dầu Một
Tỉnh Bình Dồng.

Điện thoại: 0650. 3832614 Fax: 0650. 3832616

Chi nhánh: Số 521, Hồng Bàng, F14, Q5, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08. 38537923 Fax: 08. 38537932

Website : <http://www.fsc.com.vn>

Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Nhà chi : Lầu 11, Trung Tâm Thông mại Sài Gòn .

Số 37, Tôn Nữ Thành Quán 1, TP Hồ Chí Minh

Điện Thoại : 08.39100751, Fax : 08.39100750

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I : Bản sao hộp lá Giấy chứng nhận năng lực kinh doanh.
2. Phụ lục II: Bản sao hộp lá Nội lệ công ty.
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, năm 2008 và Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2009.

- Báo cáo bạch niêm yết -

Tổ chức phát hành
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc



Trần Đình Hải

BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban


Nguyễn Quang Nhật

Kế toán Trưởng


Lục Thanh Sang

Tổ chức tư vấn
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐỆ NHẤT
Chủ tịch kiêm Giám đốc



Trần Văn Thế

Đơn vị phát hành:
Công ty Cổ phần Khoáng sản & Xây dựng Bình Dương - 61 -

Đơn vị tư vấn:
Công ty Chứng khoán Đệ Nhất